

LUẬN THÍCH PHẬT MẪU BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA VIÊN TẬP YẾU NGHĨA - Bản dịch :
Nguyễn Huệ

Dịch giả: Nguyễn Huệ

(Được xếp vào Đại Chánh Tạng, tập T25 - Kinh số 1517 - Tổng cộng kinh này có 4 quyển.)

Quy mạng Bát-nhã Ba-la-mật

Mẹ chu Phật: Xuất sinh tất cả

Nhưng Bát-nhã ấy, chỗ dựa vượt

Rốt ráo không vương, sạch các cầu.

Vì chu Phật hướng, tự tánh là

Khiến chúng sinh tương ưng hỷ thắng

Năng, sở thủ, cả hai đều bất

Trong đó, tánh thường không thể lập.

Do đã giải thoát hai thủ kia

Đoạn kiến, thường kiến đều dứt trừ

Từ nơi Nhất thiết trí sinh ra

Đánh lễ trí đạt đến bờ giác.

Tôi nay, ở trong Luận Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa Viên Tập Yếu Nghĩa, do Bồ-tát Đại Vực Long tạo, giải thích tóm lược về hành tướng, nhằm khiến cho những người trí nhỏ, kém, suy xét về nghĩa có thể nhận biết sơ lược.

Nhu Tạng nêu:

Thắng tuệ cùng thành tựu

Nhu Lai trí không hai

Trong ấy nghĩa tương ưng

Thanh kia giáo đạo hai.

+ Nói Thắng tuệ: Tức tuệ đến bờ kia. Thắng tuệ nghĩa là các tuệ như văn, tư v.v...

Bờ: Là bờ bên.

Đến: Là đi đến, đến được. Nghĩa là do diệu tuệ thanh tịnh nên có thể đi đến bờ kia.

Ở đây nên hỏi: Người nào có thể đi đến?

Đáp: Nghĩa là các Bồ-tát. Chư vị ấy do đâu mà thành tựu được? Tức do Bát-nhã Ba-la-mật-đa thành tựu.

+ Thành tựu: Là nghĩa đã hoàn thành.

Tánh của quả như thế là ý lạc tăng thượng đã hoàn thành, như giáo pháp của Bát-nhã tám ngàn tụng, khai thị, diễn nói. Đó gọi là Bát-nhã Ba-la-mật-đa thành tựu. Không phải ở trong tiếng Bát-nhã Ba-la-mật-đa có chỗ thành tựu. Nếu thế nên dùng nghĩa gì để nói về sự thành tựu ấy? Vì vậy Tạng nêu: Trí không hai.

+ Không hai: Là không có hai tướng, gọi là không hai. Trí ấy không hai, gọi là trí không hai. Ý ở đây, như thế là đã nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa là chủ thể giữ lấy, đối tượng được giữ lấy, tức là trí không hai. Bồ-tát đã thành tựu trí như vậy. Nếu hoặc ở trong cảnh như sắc v.v... kia chấp trước tướng của đối tượng được giữ lấy, thì tâm của chủ thể giữ lấy đối với trí không hai tức có trở ngại.

Hỏi: Nếu các Bồ-tát thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật-đa như vậy, thì vì sao nay ở đây không nói là Như Lai? Nghĩa là do Như Lai, nơi tất cả xứ sông tu các pháp, nên được thành Phật. Luận tự đáp, nói: Như Lai.

+ Như Lai: Nghĩa là Như Lai kia. Kia: Tức là Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Như Lai: Là như thật mà nêu bày, nên gọi là Như Lai. Do Như Lai ấy đã là

khắp hết thấy lưới phân biệt như vậy, nên Bát-nhã Ba-la-mật-đa tức là Như Lai. Ở đây, không hai cũng là không phân biệt. Không hai: Là Như Lai không lìa Bát-nhã Ba-la-mật-đa, cũng không tức Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Sao gọi là không phân biệt? Nghĩa là như ánh sáng của ngọn đèn, ở đây nghĩa cũng như vậy. Do đó phải nên nhận biết rõ như thật. Như các trí, đã nói tụng:

Chẳng trí lìa nơi không
Có chút pháp đạt được
Ở đây ý nói lìa
Tánh lìa, không xa lìa.
Hai không kia khác thức
Chẳng chút pháp để chấp
Hai không thật, được chuyển
Tánh hai ngã chẳng lập.

Do chúng biết ấy, nên ở trong tướng như thật, Đức Thế Tôn đã thuyết giảng như vậy. Vì thế, chủ thể nhận biết, đối tượng được nhận biết, nếu có tánh, thì các phân biệt có nơi chốn nương dựa.

Ở đây, nên hỏi: Nếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa thành tựu trí không hai, thì vì sao tụng nói giáo, đạo hai? Tụng tự đáp, nêu:

Trong ấy, nghĩa tương ưng
Thanh kia, giáo đạo hai.

+ Trong ấy: Là ở trong âm thanh đó, gồm cả giáo, đạo.

+ Hai nghĩa tương ưng: Theo thứ lớp, nay sẽ nói. Nghĩa là hai thứ giáo, đạo hiện có ấy, cùng với nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật-đa hòa hợp, tương ưng.

+ Thanh kia, giáo đạo hai: Là lời nói của âm thanh kia như trước đã giải thích. Giáo, đạo hai: Tức là phương tiện của Bát-nhã Ba-la-mật-đa, ở trong âm thanh ấy đã hàm chứa. Cũng như chủng tử, ở phần vị hàm chứa, nghĩa cũng như thế. Như vậy nên biết, tiếng Bát-nhã Ba-la-mật-đa nêu lên 2 thứ nghĩa:

1. Thắng thượng.

2. Chủng loại.

+ Thắng thượng: Là tướng của trí không hai.

+ Chủng loại: Có hai chủng loại: Tức tự tánh của giáo, đạo.

Do hai thứ ấy hòa hợp, thiết lập, nên biết mới có tuyên thuyết, biểu thị. Lại do nương dựa như thế v.v..., nên ngữ nghĩa hiện có trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa ấy được khai diễn thành ba mươi hai phẩm không tăng không giảm. Trong đó đã nói là loại trừ mười thứ phân biệt tán loạn. Lại hiển bày mười sáu thứ không.

Lại nữa, Tụng nêu:

Nương dựa cùng tác dụng
Sự nghiệp đồng khởi tu
Phân biệt tướng cùng tội
Xung tán, như tiếp nói.

Như trong Tụng đó, có 6 thứ, ấy là: Nương dựa, tác dụng, sự nghiệp, tướng, tội, xung tán. Ở đây là thế nào, thứ lớp nay sẽ nói.

+ Gọi là nương dựa: Nghĩa là Đức Phật Thế Tôn, đầu tiên nói về trí. Do chỗ dựa của trí ấy như thế, nên các pháp môn thâm diệu hiện có mới có thể nối tiếp diễn nói. Không phải người có thể thuyết giảng như Tôn giả Tu-bồ-đề v.v..., có thể tạo được sự nương dựa, hòa hợp như vậy.

Hỏi: Đức Phật đã giảng nói về trí, sự việc ấy như thế nào?

Đáp: Như Đức Phật ở nơi Kinh Bát Thiên Tụng Bát Nhã, đầu tiên nói như vậy: Này Tu-bồ-đề! Theo chỗ ưa thích của Tôn giả, hãy thuyết giảng về Bát-nhã Ba-la-mật-đa của các Đại Bồ-tát, phải nên phát khởi như Đại Bồ-

tát xuất sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vì do diệu lực nơi uy thần của Phật đã kiến lập như thế, nên Tôn giả Tu-bồ-đề mới có thể tuyên thuyết về Bát-nhã Ba-la-mật-đa như vậy mà không chướng ngại.

Ở đây, đã nói về các nghĩa như thế, là nói về phẩm thứ nhất trong kinh đó.

+ Nói là tác dụng: Tức tác dụng tăng thượng. Nghĩa là Đức Phật nói về trí là tăng thượng. Vì nêu giảng pháp ấy là khởi nói về tác dụng, tức thứ lớp của tác dụng nơi chúng Bồ-tát v.v... Do như thế, nên mới có thể phát khởi tuyên thuyết pháp ấy.

+ Gọi là sự nghiệp: Là sự nghiệp đã tạo tác. Như thế, phát khởi do giáo pháp của Bát-nhã Ba-la-mật-đa ấy, an trụ như vậy, nên phải siêng năng, dũng mãnh, phát khởi tu tập, trừ bỏ 10 thứ pháp phân biệt tán loạn, cùng theo trình tự phân biệt về 16 thứ không. Nên biết như vậy.

+ Gọi là tướng: Là nghĩa tiêu biểu. Lại, tướng tức là hình tướng. Đây là thể nào? Nghĩa là, nếu Bồ-tát đối với pháp môn Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, nếu khi biên chép, nếu lúc đọc tụng, hoặc có người cùng khởi tâm nghi, nên biết đều là tướng của ma sự v.v... Nếu không thôi chuyển, là tướng của Bồ-tát.

+ Nói là tội: Nghĩa là đối với pháp ấy tạo sự chướng ngại cùng hủy báng chánh pháp. Hoặc ở nơi Bát-nhã Ba-la-mật-đa mà sinh khởi tướng độc hại. Những thứ ấy đều chiêu cảm lấy tội báo.

+ Gọi là xung tán: Nghĩa là xung tán về quả. Như kinh nói: Nếu có người đem bảy thứ báu đầy khắp trong Tam thiên đại thiên thế giới để hành bố thí. Hoặc có người, đối với Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, thọ trì v.v..., thì phước có được, hơn hẳn trường hợp trước.

Ở đây, lại nói về nghĩa gì, để làm chỗ nương dựa? Tụng nêu:

Đủ tin dùng làm thể

Su nhận cùng chúng nêu

Lúc nói, cùng xú nói

Được tự lượng thành tựu.

Đây là thể nào?

+ Nói là tín gồm đủ: Tín nghĩa là tâm tin tưởng thanh tịnh. Tức các Bồ-tát, do sự tin tưởng kia, nên đối với giáo pháp thâm diệu, có thể sinh thắng giải. Có tin tưởng ấy nên gọi là đủ tin. Bồ-tát có đủ tin tưởng, có thể dùng làm thể. Thể nghĩa là thể của thân. Ví như người có thân làm nhân, mới có thể nối tiếp tạo tác các hành. Nghĩa của tín cũng thế.

+ Gọi là: Su nhận cùng chúng nêu: Nghĩa là Đức Thế Tôn, bậc Đại sư tuyên thuyết giáo pháp ấy, các Bồ-tát nhận lấy cũng đều tuyên thuyết. Thuyết giảng như vậy rồi, theo chỗ ứng hợp mà biểu thị.

+ Gọi là: Lúc nói, nơi chốn nói: Lúc: Đó là thời gian giảng nói, tạo sự biểu thị, hòa hợp. Điều quyết định riêng, để ấn chứng chỗ đã đạt được, là nghĩa của nơi chốn, nên biết.

+ Hỏi: Người thuyết pháp ấy sẽ đạt được nghĩa gì? Tụng tự đáp, nói: Được tự lượng thành tựu. Nghĩa ấy là thể nào? Tự là chính mình. Lượng là tự lường xét về chỗ đạt được của mình, không trái nhau.

+ Thành tựu: Là nghĩa đã hoàn thành. Tức là người giảng nói pháp, các sự việc được thuyết giảng đều thành tựu đầy đủ.

Như Tụng nói:

Giảng nói pháp nên biết

Thể gian thời, xứ, hai

Người nói, có đồng chứng

Sau đây được như lượng.

Ở đây là thể nào?

+ Gọi là giảng nói pháp: Là người nói pháp, thể gian, thời, xứ, hai: Nghĩa là ở trong tướng thể gian, trước nên nhận biết rõ về thời gian giảng nói, nơi chốn thuyết giảng, sau đây mới dựa vào trí, đúng như lý mà nêu bày.

+ Hỏi: Đây là giảng nói về những gì? Tụng tự đáp, nêu: Người nói, có đồng chứng. Nghĩa là nêu bày có đồng chứng, hòa hợp.

+ Hỏi: Thế nào là được như lượng?

Đáp: Đó là đạt được ngôn lượng chân thật, không phải là nghĩa về thời, xứ hiện đã nói.

Ở đây lại dùng nghĩa nào để xác nhận về ba mươi hai phẩm? Nên có Tụng nêu:

Tất cả tập như thể

Đã nói như tôi nghe

Nghĩa hòa hợp như vậy

Ba mươi hai, tối thượng.

+ Ở đây nói: Tất cả tập như thể v.v...: Tất cả là nghĩa khắp hết. Những gì là nghĩa khắp hết? Nghĩa là tự tập như thể, tự tập như tôi đã nghe v.v... Như thế: Nghĩa là pháp ấy như thể, đã tạo như thể.

+ Gọi là Tôi nghe v.v...: Tôi: Là đối tượng được tạo thành nghe của tự tướng. Nghĩa là lắng nghe, tức lắng nghe pháp này. Ở đây, là ý chung. Tự tập chung, như: hoặc như thể, hoặc tôi, hoặc nghe v.v... mà thành, nên nói là tôi nghe như thể v.v...

Hỏi: Chỗ gọi là v.v... thì giữ lấy nghĩa nào?

Đáp: Vân vân là cùng nhau giữ xứ.

+ Gọi là Nói: Nghĩa là nêu bày, chỉ rõ. Thế nên ở đây nói tôi đã nghe như vậy.

+ Gọi là: Nghĩa hòa hợp như thể: Tức là người giảng nói ấy, hoặc tạo tác, hoặc không tạo tác, thì sự hòa hợp kia, từ chỗ khởi đầu, theo thứ lớp tuyên thuyết về nghĩa tối thượng như vậy.

+ Tối thượng: Là tối cực, thắng thượng.

+ Thể của ngôn thuyết kia: Nghĩa là nêu bày, giảng giải.

Hỏi: Đây là nói về gì? Tụng tự đáp, nêu: Ba mươi hai, tối thượng.

+ Ba mươi hai: Là số lượng quyết định. Tức là nói về nghĩa trong số lượng như vậy. Do đó nên biết, ở đây đã nói cũng không có giảm thiểu.

Hỏi: Trong Kinh Thập Vạn Tụng Bát Nhã Ba La Mật Đa đã nói về nhiều thứ không. Còn trong Kinh Bát Thiên Tụng Bát Nhã Ba La Mật Đa này nói mười sáu thứ không, so với chỗ đã nói trong kinh kia là ngang bằng như thế nào?

Vì có nghi ấy, nên Tụng nói:

Phân biệt mười sáu tướng

Không, theo như thứ lớp

Trong tám ngàn tụng nói

Rõ khác, phương tiện nói.

+ Đây nói phân biệt v.v...: Là lớp lớp phân loại về chỗ riêng biệt, nên gọi là phân biệt. Lại, phân biệt tức là nghĩa chủng loại. Chủng loại ấy là nghĩa vô số tánh. Ở đây, phân biệt về gì? Tức phân biệt về không, phân biệt về những gì là không? Là mười sáu không. Mười sáu là phần hạn của số lượng. Ở đây nói mười sáu không cùng với nghĩa đã nói trong Kinh Thập Vạn Tụng Bát Nhã kia, tự bằng nhau. Tụng nêu: Trong tám ngàn tụng nói: Tức là trong Kinh Bát Thiên Tụng (Tám ngàn tụng) Bát Nhã đã nói. Kinh đó nói như thế nào? Do đây, Tụng nêu: Theo như thứ lớp. Như thứ lớp: Là nghĩa không vượt quá. Pháp nào không vượt quá? Tức là âm thanh của nói không. Nên câu Tụng sau nêu: Rõ khác, phương tiện nói.

+ Nghĩa ấy là thế nào? Khác: Là pháp dị biệt. Ở trong pháp dị biệt đó, chọn lấy phương tiện, thế nên người thuyết giảng, theo phương tiện khác để nói. Rõ: Là nhận biết rõ, nên phải phân biệt nhận biết rõ như thế. Đó là nhận biết rõ về phương tiện khác ấy, để phân biệt nói về không.

Lại nữa, Tụng nêu:

Nay, Bát Thiên Tụng này
Nhu nói nghĩa không giảm
Theo chỗ thích, tụng lược
Nghĩa như vậy, như vậy.

+ Ở đây nói: Nay Bát Thiên Tụng này: Là nêu rõ về pháp nên biết.

+ Nói không giảm: Nghĩa là không thiếu, giảm. Những gì là không giảm? Là nghĩa như nói. Tức như nghĩa đã thuyết giảng đó, tự nói viên mãn. Hoặc có nghi vấn: Trong đây đã nói, vì sao là tụng lược? Tụng tự đáp, nêu: Theo chỗ thích, tụng lược. Nay ở đây chỉ nói Bát Thiên Tụng: Vì chỗ thích nghi của ý lạc tối thắng nơi người nghe kia, thế nên tụng lược. Lược nghĩa là lược bớt.

+ Gọi là: Nghĩa như vậy, như vậy: Tức là nghĩa đã nêu giảng như vậy. Điều ấy lại là thế nào? Tụng nói: Như vậy, như vậy: Tức như ngôn thuyết đó, chỗ đã nêu giảng như thế là thành tựu như lý, không phải nghĩa trong pháp của Bát-nhã Ba-la-mật-đa có sai biệt. Chỉ vì căn tánh hiện có ba phẩm hạ, trung, thượng, theo sự mong muốn, được thấu nhận. Vì vậy, Đức Thế Tôn, do nhân ấy, nên lược bớt chút ít nói về Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, theo thứ lớp, dùng phương tiện khác, để nói mười sáu thứ không. Như thế là điều giảng nói đã được hiển minh, khai thị.

Lại nữa, Tụng nêu:

Bồ-tát, Ta không thấy
Đây nói vắng lặng thật
Hay nhận các sự trong
Kia nói tức là không.

+ Nói Bồ-tát v.v...: Bồ-tát là Bồ-đề cùng Tát-đỏa. Đây tức là Bồ-đề Tát-đỏa. Bồ-đề nghĩa là trí không hai. Tát-đỏa tức là người cầu đạt Bồ-đề. Nhưng Tát-đỏa này gọi là Bồ-đề Tát-đỏa, tức Bồ-đề Tát-đỏa ấy, Ta không thể thấy, cũng không thể đắc. Ta: Là nghĩa chính mình.

+ Đây nói vắng lặng thật: Đây: Là nghĩa như vậy, như thế. Nói: Là ngôn thuyết. Thật: Tức chân thật, là thắng nghĩa đế. Vắng lặng (tịch mặc): Là Đức Thế Tôn. Nghĩa là Đức Thế Tôn, nơi ba nghiệp thân, ngữ, ý, đều tương ưng với vắng lặng. Như thế v.v... là nói do uy thần của Đức Phật đã gia hộ, nên khiến Tôn giả Tu-bồ-đề, có thể ở trong đó, giảng nói về ngữ nghĩa ấy.

+ Kia nói tức là không: Kia: Tức Đức Thế Tôn kia. Nói là nêu bày, chỉ rõ. Nghĩa là Đức Phật, Thế Tôn nói đây là không. Nói pháp nào là không? Do đây, Tụng nêu: Hay nhận các sự trong.

+ Các sự trong: Đó là sáu căn xú bên trong như mắt v.v..., gọi là các sự trong. Do hàng ngũ tối chấp cho là thật, có thể thọ nhận lời Đức Thế Tôn giảng nói về các sự trong ấy là không.

Lại, Bồ-tát mới phát tâm, ở đây phân biệt tự tánh có thật. Như thế là đã nêu bày xong về Nội không.

Lại nữa, Tụng nói:

Sắc cùng tự tánh sắc
Đây nói cũng lại không
Là các xú ngoài ấy
Chỗ thọ phần đều dứt.

+ Đây nói sắc cùng tự tánh sắc: Nghĩa là sáu xú cảnh bên ngoài như sắc, thanh v.v...

Lại, sắc: Tức là sắc xứ. Nói tự tánh sắc: Sắc nghĩa là tự sắc, như tướng hiện có, tướng ấy không sinh. Do không sinh tức tự tánh là không, nhưng tự tánh ấy cũng không thể hoại. Ví như người khảo xét về nghĩa, nên biết.

+ Chỗ gọi là ở đây nói: Nghĩa là ở đây nêu bày như thế, với những ngôn thuyết như thế.

+ Lại nữa, ở đây Đức Thế Tôn đều nói: Dừng lại: Là nghĩa không tạo tác.

Hỏi: Dừng dứt nơi pháp nào? Tụng tự đáp, nêu: Là các xứ ngoài ấy.

Đây lại là thế nào? Các xứ ngoài: Nghĩa là các cảnh như sắc v.v... Các phần vị bên ngoài thấy đều không thật, nhưng hàng phàm phu chấp cho là có tánh của đối tượng được thọ nhận là thật như vậy. Vì thế ở đây nói dừng dứt, là nghĩa của lời đó. Những điều nêu bày như vậy là nói xong về Ngoại không. Lại nói về không sau. Như Tụng nêu:

Tướng như sắc, thân kia

An trụ và tướng lìa

Nghĩa hướng, nếu kia thấy

Nội kia tức không thật.

+ Nói: Tướng như sắc, thân kia: Ở đây thế nào là thân kia? Đó là hai sắc xứ trong ngoài, tức là thân ấy.

+ Gọi là an trụ: Tức là khí thể gian đều được nương dựa riêng để an trụ, nên gọi là an trụ.

+ Gọi là tướng: Là ba mươi hai tướng biểu hiện của bậc Đại sĩ.

+ Nói lìa: Tức như trên đã nói thấy đều lìa. Lìa tức nghĩa không.

+ Nói nghĩa hướng: Hướng tức là đã qua. Nghĩa của đã qua gọi là nghĩa của hướng. Những pháp nào là nghĩa hướng? Như ở trên Tụng nói: Tướng như sắc v.v...

Đây lại là thế nào? Nghĩa là, nếu sắc xứ trong ngoài như thế thấy đều vô tướng, tức vị ấy đã nhận biết rõ về nghĩa không như vậy. Cũng thế, nghĩa của thanh, do đây nên biết. Nay, trong tụng này, trước nói về 3 thứ không: Là nội ngoại không, đại không, tướng không. Tiếp theo là nói về không không. Như Tụng đã nêu: Nếu kia thấy, Nội kia tức không thật.

+ Nếu: Tức nếu nghĩa hiện có, nghĩa là không trí hiện có.

+ Kia: Tức là thân kia.

+ Thấy: Là nghĩa nhận biết. Nhận biết tức nhận biết rõ. Ý ở đây: Là trí nhận biết về không. Rõ về cảnh là không rồi, tức không trí này, đối với nội không thật nên không chỗ có, hướng chỉ là pháp khác có tánh nương dựa. Câu ấy như thế là nói về Không không xong.

Ở đây lại nói về tự tánh không. Như Tụng nêu:

Tánh các nội không kia

Tự tánh cũng lại không

Thức tướng chủng hiện có

Tức khởi Bi, Trí, Ngã.

+ Nói: Tánh các nội không kia v.v...: Nghĩa là tánh không của các xứ bên trong hiện có tương tục, như ở đây đã nói.

+ Nói: Tự tánh cũng lại không: Tự tánh: Là nghĩa chủng tánh. Do tự tánh đã hiển bày về tướng của thức như thế.

+ Gọi là: Thức tướng chủng hiện có: Hiện có tức như nghĩa hiện có. Ở đây, hoặc là tướng của thức, hoặc là tánh của thức. Các chủng tánh kia, tức từ bi, trí của Ta sinh. Bi là muốn khiến cho khổ của kẻ khác được lìa tan. Trí là xét chọn về tướng pháp. Hoặc là bi v.v..., hoặc là trí v.v... Đó gọi là bi, trí.

+ Ngã: Là nghĩa tự tướng. Tức tự hiện có hai thứ bi, trí. Ý ở đây là nói chung về tự tánh không của nội thức xứ.

Lại nữa, sau nói về nghĩa của hai thứ không, như Tụng nêu:

Chẳng sinh cũng chẳng diệt

Hữu tình, đây nêu rõ
Sinh tử dục hữu tình
Kia nói tức là không.

+ Văn của bốn câu tụng nói: Chẳng sinh cũng chẳng diệt v.v...: Ở đây là kết hợp giải thích về nghĩa của hai thứ không.

+ Nói chẳng sinh: Là trong Kinh Bát Thiên Tụng Bát Nhã nói chẳng sinh. Ý trong ấy nói sinh kia ở đây đã dùng dứt. Nghĩa là xưa nay tánh không sinh. Sinh nếu không tánh thì diệt cũng không tánh. Tánh trước không sinh thì tánh sau cũng không diệt.

Hỏi: Đây là nói về những gì? Tụng đáp, nêu: Hữu tình.

+ Hữu tình: Là thân mạng của năm uẩn. Hữu nghĩa là có tánh của vật kia. Tình nghĩa là tánh tự tạo tác, hòa hợp mà nói, nên gọi là hữu tình, hoặc sinh tử, cả hai đều không, là nghĩa được hiển bày. Nhưng các hữu tình không có biên vực, chết đây sinh kia, sáu nẻo tuần hoàn, sinh tử luân chuyển không có cùng tận. Sinh tử ấy tức là luân hồi. Hành tướng như thế, tức giải thích nghĩa sinh tử của hữu tình, nên biết.

Hỏi: Đây là người nào nói? Tụng đáp: Kia nói.

Kia tức là Đức Như Lai kia đã thuyết giảng chân thật. Kia đã giảng nói về gì? Đó là nói về không. Tức hữu tình, sinh tử, hai thứ đều không. Nhưng không tánh ấy, ở đây cũng lìa như chấp. Không tánh ấy, ở đây cũng không thế. Nếu vậy, vì sao Tụng nói là dục? Dục là nghĩa lạc dục (vui thích, ưa muốn), tức hai dục của hữu tình, sinh tử. Nếu đối tượng ưa muốn rõ ràng như thế, thì "kia" đã nói chân thật như vậy. Ngôn thuyết như vậy là nói về nghĩa của hai thứ không là tất cánh không và vô tế không.

Hỏi: Sao gọi là vô tế? Vô tế nghĩa là không có đời đầu tiên cùng không có phần đầu. Vô tế ấy nói là không, nên gọi là vô tế không. Như Đức Phật đã nói: Sinh tử nơi tế trước không thể biểu thị. Nên lại nói không sau, như Tụng nêu:

Pháp Phật không thể thấy

Pháp Bồ-tát cũng vậy

Điều ấy, như đã nói

Không như mười lực kia.

+ Nói: Pháp Phật không thể thấy v.v...: Pháp Phật là pháp của chư Phật. Đó là: Mười tám pháp bất cộng, mười lực v.v... Pháp như thế, dùng diệu tuệ thanh tịnh quán không thể thấy, cũng không thể đắc. Người ấy như thế, nên hiện có phân biệt mà bị đối ngại.

+ Nói: Pháp Bồ-tát cũng vậy: Tức pháp của các Bồ-tát, đó là các Ba-la-mật-đa như bố thí v.v... với vô số hành tướng. Trí nhập chân thật, như lý mà quán, cũng không có đối tượng được nhận thấy.

+ Nói: Điều ấy như đã nói, Không như mười lực kia. Điều ấy: Là giáo pháp ấy như thế. Như đã nói: Tức như chỗ đã nêu giảng.

Hỏi: Đây là nói về những pháp gì? Tụng tự đáp, nêu: Là mười lực kia, nêu rõ ở trên đã biện minh về các pháp như mười lực v.v...

+ Nói là v.v...: Là cùng gồm thâu mười tám pháp bất cộng.

Lại hỏi: Pháp này là nói về điều gì?

Đáp: Đó là nói về không. Không là tự tướng lìa. Những điều như thế, ở đây là đã nói xong về Tất cả pháp không. Lại nói về không sau. Tụng nêu:

Pháp hiện có riêng biệt

Đây nói tánh biến kế

Thắng nghĩa kia không có

Các pháp nêu như thế.

+ Nói pháp hiện có riêng biệt, Đây nói tánh biến kế: Đây là phá bỏ tánh biến kế.

+ Riêng biệt: Là nghĩa mỗi mỗi đều. Tức là tánh biến kế hiện có ấy. Biến kế: Là nghĩa chấp trước. Chấp trước nơi pháp nào? Tức các pháp như sắc v.v... Đây: Là nghĩa như thế. Nói: Tức là ngôn thuyết. Ý chung ở đây, nghĩa là các pháp đều khác biệt, nhưng trong Thắng nghĩa đế, chúng không có, do đây Tụng nói:

Thắng nghĩa kia không có

Các pháp nêu như thế.

+ Thắng nghĩa, không có: Tức trong Thắng nghĩa đế không có tự tánh.

Hỏi: Pháp nào không có tự tánh?

Đáp: Nghĩa là các pháp như sắc v.v...

+ Nêu như thế: Tức ở đây đã nói như thế.

Hỏi: Người nào nói như thế?

Đáp: Đức Phật đã nói như thế. Quán tướng của thắng nghĩa hiện có kia là không. Tướng kia tức là tánh của biến kế. Không, chẳng phải chỉ là tướng của chủ thể giữ lấy, mà ở trong thắng nghĩa đế nói đây là không. Như vậy là đã nói xong về Thắng nghĩa không.

Ở đây, nói như vậy, nghĩa tự hiển bày rõ ràng. Người tạo công việc giải thích nói riêng tụng:

Các tánh biến kế kia

Xử xử đều chấp trước

Biến kế ấy như thế

Tự tánh không có thật.

HẾT - QUYỂN 1

4Lại nói về không sau, như Tụng nêu:

Kiến như ngã kia, đoạn

Đại sĩ tạo cứu cánh

Nhưng người kia vô ngã

Phật, tất cả xử, nói.

+ Nói: Kiến như ngã v.v...: Tức nêu kiến chấp như ngã v.v..., nên đoạn trừ.

Ngã: Là biến kế sở chấp nơi uẩn hiện có.

+ Vô ngã: Là cùng gồm thân người cùng chúng sinh, thọ giả. Ở đây, hành tướng v.v..., nghĩa là nơi chốn v.v... là ngã hiện có cùng giải thích nghĩa, nên biết.

+ Kiến: Là kiến của chấp trước. Ý chung ở đây là ở trong cảnh giới như ngã v.v..., các thứ kiến chấp như ngã, cần đoạn trừ. Đoạn: Là nghĩa hủy hoại.

Tạo tác: Là tạo tác cứu cánh.

Hỏi: Người nào tạo tác?

Đáp: Là Bồ-tát.

Lại hỏi: Nếu là Bồ-tát, vì sao nói là Đại sĩ?

Đáp: Đại sĩ là đại hữu tình. Đại hữu tình ấy hiện hữu khắp nẻo luân hồi, nối tiếp tạo tác. Đây tức là Bồ-tát. Ở đây, nêu như thế, thì sao còn nói nữa? Vì vậy, Tụng nêu:

Nhưng người kia vô ngã

Phật, tất cả xử, nói.

Nghĩa là Đức Phật, nơi tất cả xử như thế, đã quyết định nói người là vô ngã. Ngôn thuyết như vậy v.v... là nói xong về Vô tánh không. Lại nói về không sau, như Tụng nêu:

Hết thầy pháp không sinh

Đây, đã nói cũng thế

Tuyên thuyết pháp vô ngã

Tất cả xử thật nói.

+ Nói: Hết thầy pháp không sinh v.v...: Hết thầy: Là nghĩa khắp hết tất cả. Pháp: Tức là pháp như sắc v.v... Hết thầy tức giải thích nghĩa của pháp, nên biết hết thầy pháp ấy đều không sinh. Đây nói không sinh: Tức sự sinh ấy đã dứt. Ý ở đây tức nói xưa nay tánh không sinh, không phải như tướng tụ tập kia, chỗ đạt được là tánh có thật. Tụng nói: Đây, đã nói cũng thế.

Đây nghĩa là nói như thế, nghĩa biểu thị cũng vậy, tức cũng lại nói. Nên Tụng nêu: Tuyên thuyết pháp vô ngã.

+ Pháp: Nghĩa là các pháp như sắc v.v...

+ Vô ngã: Là không có tự tánh.

Hỏi: Nếu như thế thì biểu thị về điều gì? Tụng tự đáp, nói: Tất cả xứ, thật nói.

+ Tất cả xứ: Là hiện bày khắp tất cả các loại. Thật là chân thật. Tức pháp vô ngã được nói là chân như. Nghĩa là nhận biết rõ, nhận biết rõ. Ngăn chặn là nghĩa. Đây là nói chân thật ngăn chặn các pháp khác.

Lại hỏi: Người nào thuyết giảng thật?

Đáp: Là Đức Phật, Thế Tôn. Nên giảng như vậy là không giống với ngoại đạo đã nói về không. Những thuyết giảng ấy là đã nói xong về Vô tánh - Tự tánh không.

Lại nữa, tiếp sau nói về nghĩa của hai thứ không. Như Tụng nêu:

Có tội cùng không tội

Không tăng cũng không giảm

Các hữu vi, vô vi

Các thiện hiện có dứt.

+ Nói: Có tội cùng không tội v.v...: Tội nghĩa là lỗi lầm. Lỗi lầm theo tội chuyển nên gọi là có tội. Là tội cùng lỗi lầm, tức gọi là không tội, hoặc tội, không tội nơi các pháp hiện có không tăng không giảm. Đây nói không tăng: Là tuy có chỗ đạt được nhưng không tăng trưởng. Cũng không giảm: Nghĩa là đạt được pháp vô tận xuất sinh không giảm. Do đó, Bồ-tát nhận biết đúng như thật về pháp vô tận.

+ Gọi là hữu vi: Nghĩa là các hữu đã tạo tác, nên gọi là hữu vi. Hành tướng như thế nào? Tức các hành do nhân duyên sinh ra.

+ Vô vi: Là phân biệt không phải là hành tướng hữu vi. Thế nào gọi là trạch diệt? Tụng nói: Các thiện hiện có.

Hỏi: Các thiện hiện có thuộc hữu vi, vô vi kia, vì sao lại nói?

Đáp: Ở đây nên biết: Các thiện hữu vi, các thiện vô vi, nếu như thứ lớp tu tập, hoặc không như thứ lớp tu tập, đều đạt được không tăng giảm. Ý trong ấy là chỉ ở nơi thắng nghĩa để, không có pháp để giữ lấy cho là thật.

+ Nói dứt: Là dứt trừ. Tức dứt trừ ngôn thuyết hiện có về vô tướng kia. Như vậy là đã nói xong về Hữu vi không - Vô vi không. Lại nói về không sau. Như Tụng nêu:

Các thiện trong tánh không

Kia xuất cũng vô tận

Biên kế ấy phân biệt

Thâu gồm khắp là không.

+ Nói: Các thiện trong tánh không v.v...: Các thiện: Tức là các pháp thiện. Nghĩa là trong tánh không, có các pháp thiện, nhưng không phải là vô tánh. Vì sao? Tụng nêu: Kia xuất cũng vô tận.

+ Kia: Là ở trong âm thanh kia, bao hàm các pháp thiện. Xuất là xuất sinh. Cũng: Là nghĩa nói nối tiếp. Ý chung ở đây là do các pháp thiện, đã xuất sinh tánh như lý vô tận, nên pháp kia tức không giảm. Sự việc của các Bồ-tát cũng không gián đoạn. Tụng nói: Biên kế ấy phân biệt.

Nghĩa là người trí phải nên nhận biết rõ như thật. Như vậy là đã nói về tánh của biến kế được loại trừ. Tụng nêu: Thâu gồm khắp là không.

+ Khắp: Là khắp hết thảy. Gồm thâu là thâu tóm chung. Nghĩa là trong Kinh Bát Thiên Tụng Bát Nhã này, đã phân biệt nói rộng về các chủng loại không. Ở đây, như vậy là nối tiếp điều đã nêu bày, viên tập phổ biến mà gồm thâu chung, nên gọi là thâu tóm khắp, tức gồm thâu chung về không.

Hỏi: Như vậy, hành tướng của không làm sao hòa hợp?

Đáp: Ở đây, chỗ nói về không chính là để loại trừ tướng của biến kế sở chấp nơi pháp. Nói như thế đây tức nghĩa rất cùng, nên ở trong ngôn thuyết đó, lý tự hòa hợp, tích tập chung. Như vậy là đã nói xong về không, sau lại không có ngữ nghĩa của không để có thể nêu bày.

Lại nữa, nên biết, ở đây như thế là đã nói về các không, chính vì nhằm trừ bỏ chấp trước của hữu tình, nên phân biệt không phải nói về tánh thật. Vì sao? Vì trong tánh thật kia đã nói hai thứ không, là người không và tất cả pháp không. Như thế là đã nói xong về Vô tán không.

Hỏi: Sao gọi là vô tán?

Đáp: Tán nghĩa là ly tán. Ở đây tán không tán, nên gọi là vô tán. Thể của vô tán: Nghĩa là các Bồ-tát hiện có pháp thiện, cho đến trong cảnh giới của Niết-bàn vô dư y, pháp kia cũng không tán, pháp kia cũng vô tận, nên gọi là vô tán.

Như thế là đã nói tổng quát về 16 thứ không, xong.

Như nơi Luận Biện Trung Biên, Bồ-tát Từ Thị đã nói về nghĩa như vậy để hiển bày, khai thị. Tụng nêu:

Thân kia, thọ trong ngoài
Vật an trụ đều không
Các trí kia như thấy
Nghĩa hiện có kia không.
Đạt được hai thứ thiện
Luôn lợi ích hữu tình
Nơi sinh tử tạo lợi
Pháp thiện kia vô tận.
Chủng tánh cùng thanh tịnh
Đạt được các tướng tốt
Pháp chu Phật thanh tịnh
Bồ-tát cũng thành tựu.
Người cùng tất cả pháp
Ở đây, vô tánh không
Trong vô tánh có tánh
Tánh kia cũng lại không.

Lại nữa, ở đây nay nói về việc trừ bỏ 10 thứ pháp phân biệt tán loạn. Nên biết đây là phát khởi tướng tu hành.

Hỏi: Những gì là mười thứ phân biệt tán loạn? Lại, làm thế nào để dứt? Do đó, Tụng nêu:

Mười thứ tâm tán loạn
Tâm tán loạn xứ khác
Ngu không thể tương ưng
Trí không hai chẳng thành.

+ Nói: Mười thứ tâm tán loạn v.v...: Nghĩa là các Bồ-tát mới phát tâm, cũng có mười thứ phân biệt tán loạn. Đó là:

1. Phân biệt tán loạn về vô tướng.
2. Phân biệt tán loạn về hữu tướng.
3. Phân biệt tán loạn về câu tướng.
4. Phân biệt tán loạn về hủy báng.
5. Phân biệt tán loạn về một tánh.

6. Phân biệt tán loạn về vô số tánh.
7. Phân biệt tán loạn về tự tánh.
8. Phân biệt tán loạn về sai biệt.
9. Phân biệt tán loạn về như danh nơi nghĩa.
10. Phân biệt tán loạn về như nghĩa nơi danh.

Mười thứ như thế, đã phân biệt khiến tâm tán loạn, tức tâm, tâm sở ấy bị tán loạn.

+ Xú khác tán loạn: Nghĩa là tán loạn khác với động loạn, nên gọi là tán loạn.

+ Gọi là xú khác: Là xú dị biệt có phần vị, do động loạn dẫn dắt, vì thế tâm kia không thể tương ưng.

Hỏi: Người nào không thể tương ưng? Tụng tự đáp, nói: Ngu không thể tương ưng. Ngu tức hàng phàm phu ngu tối. Hàng phàm phu ngu tối: Nghĩa là hoặc giảm hoặc tăng cùng pháp chân thật đều không nhận biết.

Hỏi: Không thể tương ưng với pháp nào? Tụng tự đáp: Trí không hai chẳng thành.

+ Không hai: Là không có hai tướng. Trí không vướng mắc nơi hai, gọi là trí không hai.

+ Thành tựu: Đó là hoàn thành, tức quyết định làm xong.

Ở đây, nghĩa của lý đã có như vậy, như Tụng nói chẳng thành: Nghĩa là các phàm phu ngu tối, tâm có tán loạn, nên ở trong các cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc kia, tâm sinh chấp trước, vì thế đối với diệu trí thanh tịnh ấy, không thể thành tựu, tức không tương ưng.

Hỏi: Nếu trí không hai không tương ưng, thì ở đây lại nói về nghĩa gì? Do đó, Tụng nêu:

Kia dùng dứt hỷ tương

Là năng, sở đối trị

Ở trong giáo Bát-nhã

Viên tập kia đã nói.

+ Nói: Kia dùng dứt v.v...: Kia tức là mười thứ phân biệt tán loạn. Dùng dứt: Là dứt bỏ.

Hỏi: Xú nào nói dứt bỏ? Tụng tự đáp, nói: Ở trong giáo Bát-nhã. Nghĩa là, trong giáo pháp của Thập Vạn Tụng Bát Nhã Ba La Mật Đa v.v..., tất cả đều nói lời dứt bỏ như thế.

Hỏi: Là dứt bỏ pháp nào? Tụng tự đáp: Hỷ tương, Là năng sở đối trị.

+ Hỷ tương: Là nghĩa đây kia lại cùng nhau.

+ Năng, sở đối trị: Nghĩa là hữu tướng, vô tướng cùng làm năng (chủ thể) sở (đối tượng) đối trị. Hành tướng thế nào? Nghĩa là như hữu tướng hiện có là chủ thể đối trị, thì vô tướng là đối tượng được đối trị. Nếu vô tướng là chủ thể đối trị, tức hữu tướng là đối tượng được đối trị. Các thứ như thế đây là hành tướng.

Hỏi: Trong giáo pháp của Bát-nhã đó, nên nói như thế nào? Tụng tự đáp, nêu: Viên tập kia đã nói. Nghĩa là trong giáo pháp của Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa này, viên tập, tụ hợp, tóm lược chung về chỗ cốt yếu như thế, thấu tóm mười thứ phân biệt tán loạn ấy. Nói nghĩa là ngôn thuyết. Ở đây, nói như vậy tức là Đức Như Lai đã nhận biết rõ về sự chân thật tối thượng như thế, viên tập gồm thấu khắp, ở trong Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa, tuyên thuyết như vậy.

Hỏi: Đã nói về những gì? Thế nên, Tụng nêu:

Như có Bồ-tát có

Phân biệt vô tướng ấy

Tán loạn dùng dứt, Su

Nói uẩn thể tục kia.

+ Nói Bồ-tát có phân biệt về vô tướng v.v...: Bồ-đề cùng Tát-đỏa, tức là Bồ-tát. Có nghĩa là chẳng không. Ở đây nói như thế, nghĩa là tức có phân biệt về vô tướng.

+ Phân biệt về vô tướng: Tức phân biệt về sắc vô tướng. Pháp ấy tán loạn như vậy tức tánh do si tạo tác.

Hỏi: Có tán loạn ấy, thì lại làm gì? Tụng đáp, nêu: Dừng dứt.

Hỏi: Người nào có thể dừng dứt? Tụng đáp, nêu: Sư. Sư nghĩa là Như Lai, là bậc Đại sư, khéo có thể điều phục các thứ phiền não oán, lại có thể cứu độ khỏi những sợ hãi như các nẻo ác, nên gọi là Sư. Tụng nêu: Nói uẩn thể tục kia.

+ Thể tục nghĩa là thể gian. Uẩn thể tục ấy tức là sắc, thọ v.v...

+ Nói uẩn kia: Nghĩa là khiến nhận biết, có uẩn ấy nên dứt trừ phân biệt tán loạn về vô tướng. Ý đã nói như thế, tức Đức Thế Tôn thương xót các Bồ-tát mới phát tâm, do đây đã vì họ giảng nói về các uẩn thể tục, khiến họ nhận biết rõ để dứt trừ đoạn kiến. Dứt bỏ phân biệt về vô tướng ấy, không phải là nói về thật tánh. Trong giáo pháp của Bát Thiên Tụng Bát Nhã Ba La Mật Đa đã nói về nghĩa như vậy. Tức nghĩa lý của Bản mẫu nơi các Bát-nhã Ba-la-mật-đa đã tương ưng.

Lại nữa, Tụng nêu:

Bát Thiên Tụng như thế

Từ đầu, thứ lớp nêu

Đến cuối cùng đều dừng

Nói phân biệt vô tướng.

+ Ở đây nói: Bát Thiên Tụng v.v...: Đây: Là nghĩa như thế. Như thế là Bản mẫu của Bát Thiên Tụng đã nói. Cùng: Là cùng gồm sáu mươi vạn tụng.

+ Nói: Từ đầu, thứ lớp nêu: Tức đầu tiên, ngôn ngữ đã tạo thành. Nghĩa là từ phần đầu kinh đã dậy khởi ngôn ngữ. Hành tướng thế nào? Như kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Theo chỗ ưa thích giảng nói của Tôn giả nên nói về Bát-nhã Ba-la-mật-đa của các Đại Bồ-tát, phải nên phát khởi như các Đại Bồ-tát xuất sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Tụng nêu: Đến cuối cùng đều dừng. Nghĩa là từ đầu kinh đến cuối kinh, trong đó, các pháp đã nêu giảng đều trọn vẹn. Tụng nói: Dừng. Dừng nghĩa là dứt trừ. Tức ở trong ấy đã dứt trừ ngôn ngữ hủy báng, phân biệt về vô tướng kia. Tụng nêu: Nói phân biệt vô tướng: Nghĩa là phân biệt về vô tướng của sắc. Do phân biệt về sắc vô tướng ấy, nên rơi vào không, vì đoạn trừ có sắc.

+ Gọi là Nói, nghĩa ấy thế nào? Nói nghĩa là dựa nơi pháp mà nói. Ở đây, dựa vào pháp mà nói, là nói về sự tướng. Hành tướng thế nào? Tức là do đầu tiên, ngôn ngữ được dùng để phát khởi, cho đến cuối cùng, trong ấy có nhiều thứ ngôn ngữ được giảng nêu, qua đây, hành tướng được thành lập phát khởi dị biệt. Nghĩa là các Bồ-tát cùng với Thiên chủ Đế-thích, là bậc thượng thủ.

Những thứ như thế v.v..., nên biết đều là nhằm dứt trừ đoạn kiến.

Hỏi: Như những thứ ngôn ngữ đã được nêu bày ấy, phần vị có chỗ phát khởi, lại có những loại đạo lý nào, để dựa nơi pháp mà nói, nhằm dứt trừ ngôn thuyết hủy báng, phân biệt về vô tướng? Tụng phá bỏ, nêu:

Nhân ngôn không như thế

Đây chỉ nói sự tướng

Trong kinh như Phạm Võng

Biết tất cả như lý.

+ Đây nói: Nhân ngôn không như thế v.v...: Nhân: Là nghĩa đạo lý. Không như thế: Tức ngôn ngữ của đạo lý này không phải là ngôn thuyết thành tựu. Vì sao? Tụng tự giải thích, nói: Đây chỉ nói sự tướng.

+ Sự: Là sự có chỗ tạo tác, sự có chỗ tu tập.

+ Nói: Nghĩa là ngôn thuyết. Ở đây, nghĩa như thế chỉ nói về sự tướng. Nếu thế, tức nay nghĩa của đạo lý hòa hợp không thành tựu. Làm sao có thể khiến các bậc có trí, qua đó quan sát sinh hoan hỷ? Nên Tụng nêu chung:

Trong kinh như Phạm Võng

Biết tất cả như lý.

Đây là thế nào? Tức các kinh hiện có như Phạm Võng. Lại nói vân vân: Là cùng gồm thấu kinh như Vân Luân v.v... Trong các kinh ấy, đều nói như lý. Người nào đã nói? Nghĩa là Đức Phật Thế Tôn, nơi tất cả xứ, dựa vào lý như thật, tự nói như vậy.

+ Nói như vậy: Là tự nghĩa thành tựu.

+ Gọi là nhận biết: Nhận biết là nhận biết rõ, tức nhận biết rõ ở đây nói như lý, như lượng. Nếu nói ngữ nghĩa chân thật như vậy, là nghĩa quyết định, thì điều ấy lại là thế nào? Hoặc như trước nói đạo lý được thuyết giảng, tuy có thể trừ bỏ phân biệt về vô tướng, còn phân biệt về hữu tướng tức sinh khởi trở lại. Do đó, nay nêu như chỗ ứng hợp, khai thị môn mâu thuẫn kia. Như Tụng nêu:

Bồ-tát, Ta chẳng thấy

Nhưng đây cùng rộng lớn

Thế tôn dứt trừ ấy

Phân biệt loạn hữu tướng.

+ Nói: Bồ-tát, Ta chẳng thấy, Nhưng đây cùng rộng lớn: Nghĩa là do đầu tiên khởi tánh biến kế, nơi tướng của Bồ-tát sinh chấp trước. Tướng được chấp giữ ấy, ở trong thật tánh, Ta không thể thấy cũng không thể thủ đắc.

+ Ta: Là nghĩa chính mình.

+ Đây cùng rộng lớn: Rộng lớn tức nghĩa bao gồm rộng. Bồ-tát này, về nghĩa là rộng lớn. Thế nên Bồ-tát, Ta không thể thấy, cũng không thể thủ đắc. Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không thể thấy, cũng không thể thủ đắc. Những điều đã nói như thế là khiến dứt trừ sự phân biệt tán loạn về hữu tướng.

+ Tụng nêu: Phân biệt loạn hữu tướng. Tướng: Là các tướng như sắc v.v...

Loạn: Tức động loạn. Phân biệt: Là ở trong các tướng như sắc v.v..., có chỗ phân biệt. Ở trong nghĩa chẳng như, chấp trước tánh của nghĩa như. Ở đây, các thứ nghi hoặc động loạn như vậy, trong thắng nghĩa để không có thật tánh.

Hỏi: Người nào đã dứt trừ? Tụng tự đáp, nói: Thế Tôn, dứt trừ ấy.

Hỏi: Dứt trừ về những gì? Do đó, Tụng nêu:

Nếu không thấy danh kia

Cảnh giới hành cũng thế

Uẩn kia, tất cả xứ

Đều không thấy Bồ-tát.

+ Nói: Nếu không thấy danh kia v.v...: Nếu: Nghĩa là nếu như không thấy tức không thể thủ đắc.

Hỏi: Pháp nào là không thấy?

Đáp: Là tên gọi của Bồ-tát ấy, nhưng không thể thấy. Hoặc nói về tên gọi như thế, là nói Bồ-tát kia không thể thủ đắc, lại dứt bỏ chỗ nêu bày ấy.

Tụng nói: Cảnh giới. Nên biết như thật: Không phải chỉ tên của Bồ-tát không thể thủ đắc, mà các cảnh giới cũng không thể thủ đắc.

+ Cảnh giới: Là cảnh giới của đối tượng hành. Các Bồ-tát ấy đã hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Như thế, đạo cùng hành cũng vậy. Hành nghĩa là hiện bày khắp. Các hành tức đối tượng tu, đối tượng hành, nhưng các hành ấy cũng không thể thủ đắc.

+ Nói: Uẩn kia, tất cả xứ: Uẩn nghĩa là sắc, thọ v.v... Tất cả xứ: Nghĩa là hiện hữu khắp tất cả xứ cùng tất cả loại. Ý ở đây là nên nhận biết đúng như thật. Do diệu tuệ thanh tịnh, ở nơi tất cả xứ đó cầu đạt tướng

Bồ-tát, rõ là không thể thủ đắc. Do nhân ấy, nên Bồ-tát không thể thấy. Vì vậy Tụng nói: Đều không thấy Bồ-tát.

Nơi đây, ý đã nêu bày như thế, chính là trừ bỏ kẻ ngu tối, ở trong trí không nhiễm của Đức Phật, Thế Tôn, chấp có danh cùng cảnh giới thật. Pháp đó không thể thủ đắc, không phải là nhận biết rõ đúng, nhưng tướng Bồ-tát, ở trong tánh viên thành thật cũng không thể lìa bỏ. Nếu lấy bỏ cùng lìa, thì phân biệt về vô tướng kia trở lại sinh khởi. Nghĩa này lược nêu, nên có nghi vấn: Nếu nay, ở trong thật tánh như vậy, không có Bồ-tát, thì phải chăng như trước đã nói là có mâu thuẫn? Tụng tự đã thông, nói:

Đây dứt trừ biến kế

Đây gồm khắp đã nói

Thừa hết thảy nhân trí

Tuệ phân biệt các tướng.

+ Nói: Đây dứt trừ biến kế v.v... Biến kế: Nghĩa là các hữu tình đã khởi kiến chấp điên đảo. Hành tướng như thế nào? Nghĩa là ở trong uẩn xứ giới, chấp có thật tánh. Nay đã dứt trừ chúng, nên ở nơi diệu trí thanh tịnh không có chỗ dứt trừ.

+ Tụng nêu: Đây gồm khắp đã nói. Đây: Là nghĩa như vậy. Gồm khắp đã nói: Là người tạo tác đã gồm thâu khắp mà nói. Ở đây, gồm thâu khắp mà nói là ý lạc thù thắng. Nên biết nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật-đa ấy, gồm thâu khắp như thế mà nói, đó là quyết định, tức vị kia đã đạt được cứu cánh như thế.

Hỏi: Do nơi nghĩa nào mà nói như vậy? Tụng tự đáp, nói: Thừa hết thảy nhân trí.

Ở đây, nghĩa như thế là hiển bày đúng như lý.

Thừa: Là vận hành, điều khiển. Hết thảy: Là nghĩa khắp hết. Nhân trí: Là do trí phân biệt rõ làm nhân.

Hỏi: Người nào vận hành, điều khiển? Tụng đáp: Tuệ. Đại Tuệ tức là Đức Phật.

Hỏi: Nói về điều gì? Tụng tự đáp, nêu: Phân biệt các tướng.

Tướng: Là tác dụng được tích tập khắp, nên gọi là tướng. Tướng ấy không đối ngại.

Hỏi: Là những tướng nào? Tụng nói: Phân biệt. Tức phân biệt, hiển bày các hành tướng, nên không phải là nói về thật tánh. Ở đây, các nghĩa đã được nêu bày như vậy, nên quán xét đúng như thật. Cho đến không có nghĩa ngoài lượng cực vi trần, tự tánh có thể được thành lập. Do đây, Đức Thế Tôn đã nhân nơi nhóm trí kia, khai thị, phân biệt tất cả hành tướng của tác dụng hiện có.

Hỏi: Đạt được nghĩa gì nên mới có thể như thế? Do vậy, Tụng nêu:

Bát-nhã Ba-la-mật

Nói ba thứ nương dựa

Là biến kế, y tha

Cùng tánh viên thành thật.

+ Nói: Bát-nhã Ba-la-mật v.v... v.v...: Nên biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa có 2 thứ pháp: 1. Thắng thượng. 2. Đối tượng hành.

Thắng thượng: Là trí đã lìa hai chướng phiền não và sở tri.

Đối tượng hành: Là tướng nói về danh, cú, văn thân.

Thắng thượng kia: Tức là Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tự tánh được nêu bày.

Đối tượng hành kia: Tức là nghĩa của ngôn ngữ nói pháp, là tác dụng của tự tánh.

Hỏi: Tác dụng ở đâu? Đây là thể nào? Tụng tự đáp: Nói ba thứ nương dựa.

+ Ba thứ nương dựa, đây lại là thể nào? Như Tụng đã nói, tức là tánh biến kế, y tha cùng viên thành thật.

+ Biến kế: Nghĩa là kẻ ngu tối, ở trong trí không hai thanh tịnh, suy tính khắp (Biến kế) về các tướng, chấp trước, đối ngại. Đó gọi là tánh biến kế.

+ Tánh y tha: Nghĩa là tự tánh của trí không hai an trụ. Chủng tử, vô minh, cả hai có đối ngại, nhưng vô minh ấy dựa nơi cái khác (y tha) mà khởi. Đây tức nói là tánh y tha khởi.

+ Tánh viên thành thật: Nghĩa là trí không hai ấy, tức là tánh viên thành thật.

Hỏi: Vì sao nói là ba thứ nương dựa? Do đây Tụng nêu:

Không, câu này cùng nói

Tất cả biến kế dứt

Huyễn dụ cùng thấy biên

Đây nói tánh y tha.

+ Không, câu này cùng nói, Tất cả biến kế dứt. Không: Nghĩa là không chỗ có. Câu này: Tức là các câu đã được nêu bày như vậy. Cùng: Là cùng với người thuyết pháp. Pháp kia dứt, nên nói là không.

Hỏi: Ở đây, hành tướng lại là thế nào? Tụng đáp, nêu: Tất cả biến kế dứt.

+ Tất cả: Là nghĩa khắp hết thảy.

+ Biến kế: Là chấp trước hư vọng, tạo tác đối khác.

+ Dứt: Là dứt trừ.

Ở đây, ý đã nói như thế: Nghĩa là như có khi được nghe tất cả người nêu giảng nói lời dứt trừ, bậc có trí phải nên nhận biết rõ trọn vẹn. Tất cả đều là dứt trừ biến kế chấp trước về hữu tướng. Tụng nói: Huyền dụ cùng thấy biên, Đây nói tánh y tha.

+ Huyền nghĩa là Đế vãng (luối Đế-thích).

+ Cùng: Là cùng gồm thâu các pháp huyền như thành Càn-thất-bà v.v... Huyền là do pháp giả của kẻ khác tạo thành. Nay dùng huyền kia dụ cho pháp này, nên gọi là huyền dụ.

+ Thấy biên: Nghĩa là do dụ kia nên hiểu về pháp như thế, gọi là thấy biên. Ý ở đây, nghĩa là như được nghe nói về huyền dụ, cùng các nghĩa thấy biên, bậc trí nên biết, đây tức là nói về tánh y tha khởi. Trong đó, nên biết, do huyền ấy nên đã thấy biên. Vì vậy, Đức Thế Tôn đã tuyên thuyết.

Hỏi: Tự tánh của y tha kia làm sao nhận biết rõ? Tự tánh viên thành làm thế nào nói về sự? Do đó, Tụng nêu:

Có bốn thứ thanh tịnh

Nói tánh viên thành thật

Bát-nhã Ba-la-mật

Phật nói không dị biệt.

+ Nói: Có bốn thứ thanh tịnh, Nói tánh viên thành thật. Nói: Nghĩa là biểu thị. Tức là dùng bốn thứ thanh tịnh để biểu thị về tự tánh viên thành hiện có.

+ Bốn thứ: Tức có bốn chủng loại.

+ Thanh tịnh: Là nghĩa không nhiễm. Nghĩa là do đạt được bốn thứ tịnh ấy, nên gọi là thanh tịnh.

HẾT - QUYỂN 2

4+ Nói 4 thứ thanh tịnh, là:

1. Tự tánh thanh tịnh.

2. Lìa cấu thanh tịnh.

3. Đối tượng duyên thanh tịnh.

4. Bình đẳng thanh tịnh.

1. Tự tánh thanh tịnh: Tức là trí không hai không sai biệt. Hành tướng như thế nào? Tự tánh: Nghĩa là bản tánh không hư giả, tức tánh của chân ngã. Ở trong tự tánh có tướng như thế. Như ngọc báu ma ni, ánh hiện hòa hợp. Như Đức Phật đã nói: Tất cả chúng sinh tức Như Lai tạng. Hết thấy pháp kia cùng với Thiện Thệ là như nhau, không có tự tánh. Nên bày như thế tức là tự tánh thanh tịnh.

2. Lìa cấu thanh tịnh. Lìa cấu: Là lìa các thứ cấu nhiễm. Nghĩa của thanh tịnh như trước đã giải thích. Hành tướng như thế nào? Nghĩa là chôn hành nhằm đối trị các hữu, sức quán xét theo đời, tương ưng với trí không hai. Ở đây, chỗ tạo tác xong là sự nơi ý lạc tăng thượng của Đức Thế Tôn hiện có, tức pháp giới, chân như, thật tế ấy. Nên bày như vậy tức là lìa cấu thanh tịnh.

3. Đối tượng duyên thanh tịnh. Đối tượng duyên: Tức là nghĩa v.v... của Bát-nhã Ba-la-mật-đa hiện có khắp hết thấy nơi tác dụng của tất cả cảnh giới được duyên. Lại, tánh đã đạt được hoặc tánh do tạo thành ấy, cũng là đối tượng duyên. Ở trong đối tượng duyên đó mà được thanh tịnh. Nghĩa của thanh tịnh như đã giải thích ở trước. Được nêu bày như thế, tức là đối tượng duyên thanh tịnh.

4. Bình đẳng thanh tịnh. Nghĩa bằng nhau, không sai khác, tức là bình đẳng. Tánh bình đẳng của ánh sáng đại pháp thuộc pháp giới thanh tịnh vì diệu kia, nên gọi là bình đẳng. Ở trong chôn bình đẳng ấy mà đạt được thanh tịnh. Nghĩa của thanh tịnh như trước đã giải thích. Nói rõ như vậy tức là bình đẳng thanh tịnh.

Như thế là đã nói tổng quát về bốn thứ thanh tịnh, tức tự tánh viên thành. Vậy nên nói các hành tướng đã có của Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, nên nghĩa như thế, về sự hòa hợp tạo tác như thế v.v... rồi, lìa pháp hư giả. Do đây Tạng nói: Bát-nhã Ba-la-mật. Đây là thế nào? Nghĩa là, các thứ lời, nghĩa đã được thuyết giảng của Bát-nhã Ba-la-mật-đa hiện có. Tự tánh tức là Đức Phật, Thế Tôn, tất cả như thế nên biết đều dựa nơi ba thứ tướng để nói, không phải là lìa tự tánh như y tha v.v... mà có riêng nghĩa được tạo thành. Ở đây, chỗ nêu bày, hành tướng như thế nào? Nghĩa là, như nói về huyền dụ cùng thấy biên rồi, tức là nói về tánh của y tha khởi kia, nhưng không dị biệt. Nếu nói về tánh của y tha khởi, tức là huyền dụ cùng thấy biên. Vì sao? Vì pháp không lại có. Như vậy nơi xứ khác cũng thế, nên biết.

Lại nữa, ở đây nếu nói về hành tướng hiện có của môn Chi, tức là nói về tánh của biến kế ấy, nhưng không dị biệt. Nếu nói về tánh của biến kế, tức là đã nói về môn Chi. Vì sao? Vì pháp ấy là không. Ở trong tánh của viên thành thật, làm sao có môn được nêu bày đó? Do trong pháp kia không có tánh. Như thế, tùy theo phần vị đã sinh, tức phần vị đã được nói như vậy, nhưng cũng không thật. Thế nên Tạng nêu:

Mười phân biệt tán loạn

Đối trị như tiếp, nói

Ba thứ ấy biết rồi

Nói hoặc tức hoặc lìa.

+ Tạng nói: Mười phân biệt tán loạn, Đối trị như tiếp, nói: Nghĩa là, mười thứ phân biệt tán loạn hiện có, nay ở đây theo thứ lớp nói về việc đối trị chúng, tức đối trị về mâu thuẫn cùng chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị.

+ Nói là ba thứ: Nghĩa là tánh của biến kế, y tha, viên thành thật. Ba thứ như vậy, theo như thứ lớp nhận biết rồi, nghĩa là nhận biết rõ về những thứ đã nói.

+ Nói hoặc tức hoặc lìa: Nghĩa là trong giáo pháp của Bát-nhã Ba-la-mật-đa, có tức có lìa. Ở đây, ý chung là nếu nhận biết rõ như thế rồi, thì

các sự tương hiện có của biến kế, y tha kia, hoặc tức hoặc lìa. Mỗi mỗi tương ấy, như chỗ đã nói, được hiển bày, khai thị.

Hỏi: Ở đây vì sao nói biến kế v.v... hoặc tức hoặc lìa? Do vậy Tụng nêu:

Như trước nói viên thành

Y tha cùng biến kế

Phân biệt sắc, vô tướng

Dứt trừ tán loạn kia.

+ Nói: Như trước nói viên thành v.v... Như: Là chỉ cho pháp. Nghĩa là, trong giáo pháp của Bát Thiên Tụng Bát-nhã như thế, đầu tiên là ngôn ngữ. Như kinh ấy nói: Nầy Tu-bồ-đề! Tùy theo chỗ ưa thích của Tôn giả, nên thuyết giảng về Bát-nhã Ba-la-mật-đa của các Đại Bồ-tát, phải nên phát khởi như các Bồ-tát Ma-ha-tát xuất sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nói như thế tức là ngôn ngữ đầu tiên. Ngôn ngữ ấy là dựa nơi ba tánh viên thành, y tha, biến kế mà nói. Như đã nói về tướng, tức là tánh viên thành cùng tự sắc tướng chẳng phải không. Nếu ở trong tự sắc tướng như thế, khởi phân biệt tán loạn về vô tướng nơi sắc, Đức Thế Tôn đối với điều ấy thảy đều dứt trừ.

Hỏi: Lại như nghĩa ấy, làm thế nào để nhận biết rõ?

Đáp: Như trong ngôn ngữ hiện có ấy, nay ở đây sẽ lược nêu bày về nghĩa.

Như kinh ấy nói: Như các Đại Bồ-tát xuất sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật-đa v.v... Xuất: Tức nghĩa xuất ly, lại là nghĩa xuất sinh, hoặc là nghĩa đạt được đạo vô thượng. Nói tóm lại, hoặc là cảnh giới của vô sở nghĩa. Ở đây, nói như thế, là do từ đây xuất sinh tất cả nghĩa. Trong đó lại có thể sinh ra các sự như xung tán v.v... Nghĩa là các thứ xung tán hiện có của Phật, Bồ-tát. Tướng xung tán đó, như trước đã nói.

Lại, như kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Tôn giả theo chỗ ưa thích thuyết giảng về Bát-nhã Ba-la-mật-đa của các Đại Bồ-tát, phải nên phát khởi sự việc của các cảnh giới.

+ Gọi là ưa thích thuyết giảng: Nghĩa là tuệ vui thích nêu giảng cùng đạt được ánh sáng của sự vui thích giảng nói ấy nên gọi là ưa thích giảng nêu. Ở đây, một đoạn văn kinh như thế v.v..., tức đã nói về sự tương nơi tánh của y tha khởi. Hoặc như kinh ấy, toàn đoạn văn kinh, từ Tu-bồ-đề, cho đến: Xuất sinh v.v..., trong đó, nếu có nói về nghĩa thật kia, tức là dựa nơi tánh của biến kế mà nói. Lại, như kinh viết: Như các Đại Bồ-tát xuất sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật-đa v.v...: Một đoạn văn kinh nầy tức đã nói về sự tương nơi tánh của viên thành thật. Ý chung ở đây là do nhân ấy, nên dựa vào ba thứ nghĩa để tuyên thuyết về Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Thế nên, điều giảng nói có tức có lìa. Lại như Tụng nêu:

Kia Phật cũng Bồ-đề

Không thấy người thuyết giảng

Đến sau cùng, đây biết

Dứt trừ tánh biến kế.

+ Nói: Kia, tức là nhân kia. Đây là thế nào? Nghĩa là các kẻ ngu tối, ở trong giáo pháp của Bát-nhã Ba-la-mật-đa, chấp trước về câu nghĩa cho là thật, chủ thể nhận biết, đối tượng được nhận biết dấy khởi các biến kế, nên ở đây cần dứt trừ.

Hỏi: Pháp nào có thể dứt trừ?

Đáp: Pháp Chỉ, nên biết.

Hỏi: Người nào là người thuyết giảng? Tụng tự đáp, nói:

Kia Phật cũng Bồ-đề

Không thấy người thuyết giảng.

Ở đây là thế nào? Tức như chỗ nên an lập câu nghĩa, người có thể nhận biết rõ, tức là Đức Phật.

+ Bồ-đề: Là trí lìa hai chương phiền não và sở tri. Vân vân là tức cùng gồm thâu cả Bồ-tát, Thanh-văn.

+ Gọi là người thuyết giảng: Tức là Đức Phật v.v... Nghĩa là, nếu có người ở trong tự tánh của uẩn v.v... "biến kế" điên đảo, Đức Phật vì họ nêu giảng để dứt trừ pháp đó. Ở đây, như vậy tức có người thuyết giảng, Tụng nói: Không thấy, như lý nên biết.

+ Hỏi: Về những gì đã được nói ấy, đâu là phần hạn?

Tụng tự đáp, nói: Đến sau cùng. Nghĩa là, trong giáo pháp của Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, từ đầu đến cuối, đều trọn vẹn, đó là phần hạn.

+ Tụng nói: Dứt trừ tánh biến kế. Nghĩa là ở đây đã nói về nghĩa không thấy Phật cùng Bồ-đề, đều là nhằm dứt trừ sự phân biệt về hữu tướng nơi tánh của biến kế.

Hỏi: Vì sao trong ấy chỉ dứt trừ tánh của biến kế? Không dứt trừ viên thành? Tụng tự nêu chung:

Tự tánh không sắc kia

Cùng tướng, sao có được

Trong lời dị biệt ấy

Biết rõ rồi, kia dứt.

+ Nói tự tánh v.v...: Tự tánh là nghĩa bản tánh. Không sắc kia: Tức tự tánh của sắc là không. Nếu trí ấy cùng thấy có sắc, tức có chỗ chấp giữ. Như vậy, tất cả suy xét về sắc có thật, chúng đều là đối ngại, ở trong cùng tướng mà có tướng tăng thêm, trở lại thành phân biệt. Chỗ phân biệt, tướng ấy như thế nào? Do đây Tụng nói: Cùng tướng, sao có được.

+ Cùng tướng: Tức là hai cùng tướng. Nghĩa là tự tánh của sắc, ở trong thắng nghĩa đế, không có phần vị của đối tượng được giữ lấy. Ví như người cứu xét, đối chiếu, nghĩa ấy nên biết. Thế nên chỉ dứt trừ biến kế, không dứt trừ viên thành. Vì sao? Vì trong thắng nghĩa đế, tánh không có. Tụng nói:

Trong lời dị biệt ấy

Biết rõ rồi, kia dứt.

+ Ấy: Là nghĩa nhân.

+ Nhận biết rõ: Là nghĩa hiểu rõ. Nghĩa là do ở trong lời dị biệt kia, khéo nhận biết rõ rồi, liền có thể xa lìa.

+ Nói: Kia dứt: Dứt nghĩa là dứt trừ, tức dứt trừ các biến kế hiện có kia. Ở đây, như thế v.v... nên biết, đều là nhằm dứt trừ sự phân biệt tán loạn về "Cùng tướng", sau sẽ dứt trừ sự phân biệt tán loạn về hủy báng.

Như Tụng nêu:

Đây chẳng không, nên không

Lời như thế, đã nói

Các phân biệt hủy báng

Hết thầy nói, đều dứt.

+ Nói: Đây chẳng không, nên không v.v...: Nghĩa là Đức Phật Thế Tôn, ở trong Bản mẫu của Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đã tuyên thuyết: Chẳng không nên không.

+ Gọi là: Lời như thế, đã nói: Nghĩa là đã nêu bày lời như vậy, đó là chẳng không nên không, là tánh không lìa.

+ Nói: Các phân biệt hủy báng: Là nếu có người, ở trong chẳng không nên không ấy, chấp giữ tự tánh không, tức là phân biệt, hủy báng, nay đều dứt trừ.

+ Hết thầy nói, đều dứt. Hết thầy: Là tất cả xứ, tất cả chủng loại. Nói: Tức là ngôn thuyết. Nghĩa là Đức Phật, Thế Tôn, không chỉ ở đây dứt trừ phân biệt của biến kế, mà ở nơi tất cả xứ có ngôn thuyết chấp không, thầy đều dứt bỏ hết.

Lại nữa, Tụng nêu:

Như huyền cũng vậy, Phật
Kia như mộng cũng thế
Như vậy như tiếp, biết
Trí, ngữ biên quyết định.

+ Nói: Như huyền cũng vậy, Phật, Kia như mộng cũng thế. Nên biết, nêu bày như thế cũng là nhằm dứt trừ sự phân biệt hủy báng.

+ Như huyền: Là dùng huyền dụ cho pháp, nên gọi là như huyền. Thế nào là như huyền? Nghĩa là tức Đức Phật. Cũng vậy: Là nghĩa nối tiếp nói.

+ Như mộng cũng thế: Tức Đức Phật kia cũng lại như mộng. Ở đây, nếu có nói về ngôn thuyết của Phật, nên biết đều là nói về trí không hai. Nhưng tự tánh của nó, so với hàng phàm phu là như nhau, tương tục có, chỉ vì vô minh huyền che phủ, nên nơi tự tướng của các kẻ ngu tối đã bị ẩn mất, không hiện.

+ Tụng nói:

Như vậy như tiếp, biết
Trí, ngữ biên quyết định.

Nghĩa là, những điều đã nói như vậy, theo như thứ lớp, như lý mà nhận biết. Biết nghĩa là nhận biết rõ.

Hỏi: Người nào có thể nhận biết? Tụng đáp: Trí. Trí tức là bậc trí.

Hỏi: Những gì là ngữ biên quyết định?

Đáp: Đó là tất cả pháp như huyền.

Hỏi: Ở đây, dứt trừ phân biệt hủy báng, nhận biết như thế rồi, về sau vì sao lại có chỗ mở bày, chỉ rõ? Thế nên, Tụng nêu:

Các đồng cùng chỗ tạo

Đây nói Phật như huyền

Huyền dụ cùng, ngôn cùng

Đây nói tánh y tha.

+ Nói: Các đồng cùng chỗ tạo, Đây nói Phật như huyền. Đồng chỗ tạo: Là đồng với huyền kia. Ý ở đây là nếu trong trí không hai của tất cả xứ không sinh, thì các đồng kia cùng với chỗ tạo tác nêu bày không tương ứng. Vì sao? Vì do các huyền cùng đều có tánh. Ở đây, Phật cũng có tánh như thế. Do vậy, Tụng nói: Nói Phật như huyền.

+ Tụng nêu:

Huyền dụ cùng, ngôn cùng

Đây nói tánh y tha.

Trên nói cùng (Huyền dụ cùng): Là cùng gồm thân mộng v.v... Lại nói cùng (Ngôn cùng): Tức là nghĩa nhân đây. Nói: Là ngôn thuyết. Nếu nói huyền dụ cùng ngôn thuyết, tức là nói về tánh y tha khởi kia. Tánh y tha này Đức Phật đã nêu bày. Y tha là nương dựa hệ thuộc vào cái khác (tha), nên gọi là y tha. Y tha này tức là tự thể của vô minh, ở đây cùng với phần vị có chỗ nương dựa. Tức nói về như huyền ấy, Phật cũng vậy. Do đó, nên biết, chẳng phải hết thấy chủng loại, tất cả đều vô tánh, mà do tự tánh thanh tịnh, nên cùng huyền dụ kia, Phật v.v... đã nói, tất cả đều như thế. Những nêu bày như vậy, nếu có người phân biệt hủy báng, thì kẻ ấy không phải là tất cả chúng sinh của Như Lai tạng, chẳng phải là trí không hai. Vì sao? Vì ở trong tất cả Hữu đã phân biệt hủy báng. Do như thế, nên đối với nghĩa được tạo thành đều không thành, cũng không hòa hợp.

Hỏi: Nếu trong thẳng nghĩa để, trí không hai tức là Như Lai. Vì sao ở đây nói là trí của phàm phu?

Nhằm phá trừ nghi ấy, nên Tụng nêu:

Nếu trí các phàm phu

Tự tánh ấy thanh tịnh

Nên nói Phật kia nói

Bồ-tát cũng như Phật.

+ Nói: Nếu trí các phàm phu, Tự tánh ấy thanh tịnh: Tức các phàm phu, bản tánh là thanh tịnh. Thế tức là trí của tự tánh thanh tịnh.

+ Nên nói Phật kia nói: Nghĩa là trí không hai như thật của Phật kia nói. Đây nêu bày về trí của phàm phu cũng lại như nhau.

Hỏi: Nếu do trong chỗ hành tướng nên nói như thế, thì điều ấy lại như thế nào? Tụng tự đáp, nói: Bồ-tát cũng như Phật.

Do trí không hai đã sinh khởi nghĩa như thế. Do đó, Bồ-tát cũng tức như Phật. Do nhân này, nên Phật cùng Bồ-tát nói không có dị biệt.

Hỏi: Hoặc phàm phu hoặc chư Phật, ở trong trí như thật có sự sinh khởi, vì sao trước nói là không sở đắc? Tụng tự làm thông tỏ, nói:

Tự tánh, tự sắc phủ

Nhân vô minh kia tạo

Như huyền hiện dị biệt

Quả như mộng, trừ bỏ.

+ Nói: Tự tánh, tự sắc phủ, Nhân vô minh kia tạo: Nghĩa là tự thức của các phàm phu hòa hợp, vì tự tánh không hai. Do vô minh kia làm nhân, đã tạo khởi ngã, ngã sở. Ngã nghĩa là tự tánh, ngã sở là tự sắc. Do tự sắc che phủ, khiến chỗ hiển bày có dị biệt, nên khởi hai tướng, tướng ấy không hai, cũng không có thật. Đây lại là thế nào? Tụng nói: Như huyền. Ở trong không tự tánh như huyền ấy, giữ lấy tánh vật thật. Nhưng đối tượng được giữ lấy kia, cùng với trí không hai là có đối ngại.

Hỏi: Nếu tự tánh của trí không hai này cùng với tự tánh nơi trí của phàm phu nói là bình đẳng, thì do đâu trong thức của phàm phu không xuất hiện?

Đáp: Do tánh điên đảo của chủ thể giữ lấy, đối tượng được giữ lấy đã che giấu. Nhưng trong thức của Như Lai, nơi tất cả thời, do tánh thanh tịnh nên luôn xuất hiện.

Hỏi: Nếu trong tánh thanh tịnh của các phàm phu mà không có quả chân thật xuất hiện, tức tất cả thời đều bị vô minh phủ kín. Sự việc ấy lại là thế nào? Do đó, văn tụng đã phá bỏ nghi vấn ấy, nói: Quả như mộng, trừ bỏ. Trừ bỏ: Tức là nghĩa không chấp giữ. Trong đây, ý nói: Trong trí của tự tánh thanh tịnh hiện có, không phải là không có tánh của quả. Chỉ vì bị vô minh che phủ nên ẩn mất. Như các tuệ văn, tu, tu hòa hợp tạo tác, quả đạt được ấy nhưng nghĩa không thật. Ở đây cũng thế. Như trong mộng, nghĩa của quả nhận biết không thật. Vô tướng có thể biểu hiện, tuy hòa hợp tạo tác, tựa như có sở đắc, đắc rồi từ bỏ. Đây nói quyết định đó là lý đúng.

Lại nữa, Tụng nêu:

Nói không hai, dị biệt

Quả cùng định hủy báng

Hủy báng các phân biệt

Kia hủy báng, đây nói.

+ Nói không hai, dị biệt v.v...: Nghĩa là các kẻ ngu tối, ở trong trí không hai, đã hiện khởi kiến chấp điên đảo dị biệt, chấp trước nơi tướng của hai thứ cảnh giới.

+ Tụng nói: Quả cùng định hủy báng. Quả cùng: Nghĩa là ở trong quả cùng cảnh giới nơi tướng chân như, quyết định hủy báng, nay ở đây là dứt trừ.

+ Hủy báng các phân biệt: Nghĩa là hủy báng, nên khởi các phân biệt. Nhưng các thứ phân biệt hủy báng ấy, nay đều dứt trừ. Tụng nêu: Đây nói: Là dứt trừ. Nay ở đây nói: Chẳng không nên không, là nhằm khiến trừ bỏ lời nói hư giả kia. Nên nhận biết ở đây sắc tức là không.

Lại nữa, trong ấy, một tánh phân biệt có chỗ khởi hiện. Điều ấy lại là thế nào? Nghĩa là trong Bản mẫu của Bát-nhã Ba-la-mật-đa đã nói: Nếu sắc không tức chẳng phải sắc, tức đã nói về sự hòa hợp được tạo như thế. Nhằm

khuyến trừ bỏ sự phân biệt về một tánh, nên nói nghĩa quyết định. Do đó, Tụng nêu:

Sắc, không chẳng hòa hợp
Kia hỗ tương trái, ngại
Vô sắc, vô không, gọi
Sắc tướng tự hòa hợp.

+ Nói: Sắc, không chẳng hòa hợp: Nghĩa là sắc và không chẳng hòa hợp. Không hòa hợp: Là nghĩa không tương ưng.

+ Hỏi: Do đâu không hòa hợp? Tụng tự đáp, nói: Kia hỗ tương trái, ngại. Nghĩa là hai thứ sắc, không cùng hại nhau nên mâu thuẫn. Hành tướng ở đây như thế nào? Tụng nói: Vô sắc, vô không, gọi. Nghĩa là nếu không sắc tức không không, do không tự tánh. Ví như hoa sen của hư không, nghĩa ấy nên biết.

+ Tụng nói: Gọi, tức là nghĩa chúng nhận. Chúng nhận ở đây nói không tự tánh.

+ Sắc tướng tự hòa hợp: Nghĩa là tướng của các sắc xanh vàng đỏ trắng, chúng tự hòa hợp. Ý chung ở đây là chúng có tự tánh cùng không tự tánh, nên biết hai thứ quyết định là trái nhau.

Lại nữa, Tụng nêu:

Đây phân biệt một tánh
Đối trị vô sở tánh
Không chẳng khác sắc kia
Không kia sao có được.

+ Nói: Đây phân biệt một tánh v.v...: Đây là nghĩa nhân đây. Do nhân ấy, tức biểu thị sự đối trị là dứt trừ sự phân biệt một tánh. Do đó, trong giáo pháp của Bát-nhã Ba-la-mật này đã nói: Nếu sắc không tức phi sắc. Ở đây, như thế là nhằm dứt trừ phân biệt về một tánh. Thế nên, Tụng nói:

Không chẳng khác sắc kia
Không kia sao có được.

Như ở trên tụng nêu: Đối trị vô sở tánh: Nghĩa là, trong việc dứt trừ vô sở tánh, tức có chỗ phân biệt. Vì vậy, trong Bản mẫu của Bát-nhã Ba-la-mật-đa ấy đã nói như vậy. Đó là không chẳng khác sắc. Ở đây, vì sao đã nói như vậy? Là do không ngăn ngại sắc.

Hỏi: Dứt trừ pháp gì?

Đáp: Dứt trừ sự phân biệt về vô sở tánh.

Đây lại nhân nơi gì? Đó là không kia chẳng khác với tướng của sắc uẩn, sắc sao có được. Thế nên đây nói sắc tức là không. Lìa không, chẳng có một chút sắc nào có thể đạt được, do không chỗ có. Như vậy, những thứ đã nói đều là nhằm dứt trừ sự phân biệt tán loạn về vô sở tánh.

Hỏi: Đây lại nhân nơi gì để lìa không không sắc? Do đây, Tụng nêu:

Đây chỗ hiện không thật
Kia vô minh đã khởi
Đây năng biểu không thật
Kia nói là vô minh.

+ Nói: Đây chỗ hiện không thật v.v...: Không thật: Nghĩa là không có thật. Ở đây đã xuất hiện nhưng bị đối ngại.

+ Tụng nói: Kia vô minh đã khởi: Nghĩa là sắc hiện có, tự tánh của sắc ấy đã có chấp trước, nên vô minh dấy khởi.

Chấp trước: Là nghĩa ngăn che.

Nếu ở trong chỗ chẳng thật đã hiện như thế, chấp trước có tánh, đó là ngăn che. Thế nên ở đây, ý tăng thượng, nói: Không chẳng khác sắc.

Hỏi: Các phàm phu hiện có trí của tự tánh thanh tịnh, vì sao trong kia nói vô minh dấy khởi? Do vậy, văn của tụng đã phá bỏ nghi vấn ấy, nói:

Đây năng biểu không thật

Kia nói là vô minh.

+ Không thật: Tức là câu nghĩa không thật. Biểu: Là biểu hiện rõ. Năng: Là năng lực. Vì không thật nên không phải là chỗ có thể biểu thị. Ý chung ở đây là nói về vô minh, nên không phải là thắng nghĩa để.

Lại nữa, Tụng nêu:

Đây nói sắc như vậy

Bát-nhã Ba-la-mật

Không hai, hai như thế

Hai phân biệt, đối trị.

+ Nói: Đây nói sắc như vậy, Bát-nhã Ba-la-mật: Nghĩa là Bát-nhã Ba-la-mật-đa này đã nói về nghĩa của sắc, tức trí của tự tánh thanh tịnh có thể diệt trừ tánh che phủ của chủ thể giữ lấy cùng đối tượng được giữ lấy. Nên trong Bát-nhã đã nói, tức là tuệ lực.

Hỏi: Nếu vô minh cùng phân biệt khởi hiện, thì dùng gì để đối trị? Tụng tự đáp, nói:

Không hai, hai như thế

Hai phân biệt, đối trị.

Ý ở đây là nếu hai thứ kia như thế, có chỗ hiện bày, tức do trong tướng của thắng nghĩa, trí của tự tánh thanh tịnh không hai, có thể làm đối trị. Tức đối trị hai tướng phân biệt về hữu tánh, vô tánh. Lại do ba tuệ văn, tu, tu hòa hợp đối trị.

Như vậy, đối trị hai tướng ấy rồi, ở đây, nghĩa như thế tức là đối trị như lý chân thật. Như trong chơn đồng vắng mênh mông, trông thấy dọn nắng, vọng sinh tướng về nước uống. Nghĩa ấy nên biết. Nơi đây, Đức Như Lai, như thế là đã nhận biết rõ về chân thật tối thượng, nên ở trong Bản mẫu của Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nêu giảng như thật.

Lại nữa, nên biết, trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, đã nói về mười thứ phân biệt tán loạn, đều dùng trí không phân biệt để đối trị.

Hỏi: Nếu như thế, thì vì sao nơi phần đầu giữ chung, chỉ nói đối trị hai thứ, há không phải là lỗi?

Đáp: Đây cũng không lỗi. Tức là, ở trong hai thứ như thế mà có thể gồm thâu ẩn giấu, cũng có thể dứt trừ các thứ phân biệt khác. Thế nên ở đây, ý là gồm thâu chung hai thứ.

Hỏi: Nếu hai thứ ấy đã có thể gồm thâu ẩn giấu phân biệt khác, thì do đâu Đức Thế Tôn lại nói về nhiều thứ phân biệt tán loạn?

Đáp: Ý ở đây là nói, chỉ vì tâm ý của chúng sinh có sai biệt. Nên nghĩa tự hòa hợp, lại dứt trừ luận ấy.

HẾT - QUYỂN 3

4Lại nữa, ở đây là hiển thị Đức Thế Tôn đã thuyết giảng về lý chân chánh. Như Tụng nêu:

Như lý nói tánh tịnh

Cũng vậy, không thể đặc

Tánh, vô tánh cùng trái

Vô số tánh định thấy.

+ Ở đây nói: Như lý nói tánh tịnh v.v...: Nghĩa là phân biệt theo nhiệm, do trí đối trị các thứ có tán loạn, thế nên nói như lý, tức Đức Thế Tôn ở trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa đã thuyết giảng đúng đắn.

+ Tụng nói: Tánh tịnh: Tức là ánh sáng của tự tánh thanh tịnh như lý, có thể đối trị các thứ tán loạn, không thanh tịnh kia. Tụng nói: Cũng vậy: Là nghĩa tự tập. Tức lượng tự tập hiện có của tánh như một tánh v.v..., là không thể đạt được. Nói như lý, tức nghĩa như lượng, thế tức là trí không hai. Trí ấy có thể đối trị, đây là quyết định.

Hỏi: Đây lại là những thứ lượng gì không thể đạt được?

Đáp: Đây là nói về tỷ lượng không thể đạt được.

Tự thọ hiện có không phải là tướng khác đã tăng trưởng, như lạc v.v... nơi tự thọ nhận. Nếu nói luận an lập, tức tự tánh của trí như thật đã đạt được là mâu thuẫn. Tướng khác có tăng, thì tự thọ không thành lượng đối trị. Ở đây, không phải các tướng như xanh, vàng v.v... của đối tượng được nhận biết, tánh một - nhiều khác với có phân biệt. Do đó, quyết định quán xét. Tự thọ thành tựu về nẻo hành từ bi, tức không phải tánh được chiếu hiện của ngoại môn, không bị tướng khác có tăng trưởng làm động loạn. Vì sao? Vì các tướng như xanh, vàng v.v... hiện có, ở trong thắng nghĩa đế, đều không có thật tánh. Đây chỉ có trí là nhận biết rõ như thật, nên đây không có lỗi lầm. Nếu đối với sự bên ngoài, như tự thọ, do nghĩa như thể có chỗ an lập, tức nghĩa chẳng như, vì đây có lỗi lầm, nhưng không phải quyết định thấy biên thành tựu. Vì sao? Vì do các thọ như lạc v.v... đối với các xứ bên ngoài không có tánh. Cũng không phải ở xứ khác có chỗ xét tìm. Trong đây, các thọ như lạc v.v... tức thọ của tự tánh như lạc v.v..., không phải thọ của tướng như lạc v.v... Những điều đã được nêu bày ấy, tức là trí của hai tướng chủ thể giữ lấy cùng đối tượng được giữ lấy. Đây không phải là chỗ hiện có dị biệt.

Hỏi: Nếu nay không có thức của chủ thể giữ lấy, đối tượng được giữ lấy kia, thì vì sao về sau lại có tánh của thức ấy?

Đáp: Ở đây chỉ là tướng của chủ thể giữ lấy và đối tượng được giữ lấy. Tướng của thức sau đó tuy có, nhưng không phải là ngôn ngữ biểu thị. Tánh của pháp có kia đã biểu thị chân thật, hòa hợp như lý, do đây, ở đây nói tất cả thức đó. Như trí của tỷ lượng không phải do ở đây hòa hợp tạo thành. Vì sao? Vì do tướng của trí không hai không phải có hai tướng lãnh nhận đã hành tác. Nếu có hai tướng mà lượng kia không thành, thì chính là do hai tướng đã bị đối ngại. Như chấp nơi "sùng thọ" há không phải là lỗi lầm? Vì sao, không phải trong chủ thể giữ lấy âm thanh nói có tướng trí? Do pháp đó quyết định không có tánh. Nhưng do thức ấy, đối với các tướng bên ngoài như xanh, vàng v.v... đều có đối ngại, nên sự xét tìm một, khác kia có tánh gắng sức nhận giữ, không phải là ý chân thật, cũng chẳng phải là thức là thắng nghĩa đế mà có đối tượng được giữ lấy. Các thứ lạc như vô tánh v.v... ấy đã giữ lấy để quyết định về thể tánh của tướng trí hiện có, đây là chủ thể giữ lấy, đây là đối tượng được giữ lấy. Nhưng ở đây là nói không có tướng của chủ thể giữ lấy kia. Do thể cùng nghiệp hỗ tương vui thích giữ lấy tánh quyết định, nên không phải là tướng của trí. Trong tự thọ nói về chủ thể giữ lấy âm thanh, cũng không có tướng của trí, hỗ tương vui thích giữ lấy quyết định về tự lý, theo như tánh đã được sinh như thế. Như vậy là ở trong tự thọ của tướng trí đã an lập đúng đắn. Những thứ đã nêu bày ấy là nhằm là tánh của chủ thể giữ lấy, cùng đối tượng được giữ lấy. Ở đây nói về không hai tức tướng của trí. Tự thọ hiện lượng thành tựu, không phải là tất cả chân thật được hiển thị, hòa hợp. Nếu lại chấp nơi chỗ quyết định kia tánh không phần vị, tức trong tướng của trí không hai có chỗ động loạn, chúng từ tùy sinh không theo tướng của trí, không có hai đối hiện được sinh. Nếu chấp nơi chỗ quyết định về tướng không hai, thì ở đây trở lại thành chấp trước phân biệt, không phải tướng của trí ấy, ở trong pháp đồng mà được thành tựu. Do đó, nơi tất cả nghĩa hiện có mà thành hủy báng. Nên biết, tánh thể tục cùng thắng nghĩa đã quyết định về nghĩa không có thật như vậy.

Trong đây, nghĩa được hiển minh, như Đức Phật đã nói trí tức là minh, thể tục tức vô minh. Trí hoặc minh hoặc vô minh đều nhận biết như thật về chủng loại dị biệt, cũng không có sinh. Thể nên pháp kia, cùng tướng như thật không điên đảo, tức tướng của trí minh thực hiện đối trị, nên biết

là quyết định. Nếu trong thắng nghĩa đề này, quyết định không có tự tánh, thì như mây nơi hư không, chúng không phải là đối trị. Do đối trị như lý hiện có ấy đã hành tác chân thật, đạt được tương ưng, như tự tánh nóng đối trị vật lạnh. Nghĩa không thật này biểu thị cho vô minh cũng thế. Do nói về nghĩa như thật, nên trong nhân nơi tự tánh của trí không hai đó, có nhiều chủng loại. Hoặc trong ấy quyết định về tướng của thể tục chấp là có tánh, thì điều đó không thể nêu bày. Ở trong đối tượng hành tác có hai tướng, còn trong trí thật thì không hai.

Hỏi: Nếu như trước nói trí tức là minh, thể tục tức vô minh, thì nói như vậy há chẳng phải là trong ấy tự nêu bày có mâu thuẫn, do tự tánh của minh khác với hữu tánh của thể tục?

Đáp: Tướng không hai của minh tức là tánh của thắng nghĩa đề. Đây nói như thể là lý chánh thành tựu. Nếu thể tục mong muốn lãnh nhận, các bậc Sư xưa, Tiên nhân, đối với lời ấy cũng có nghĩa dị biệt, như nơi xứ khác đã nói, ở đây không nêu dẫn lại. Như phần chánh lý ở sau, trong đó Tụng nêu: Tánh, vô tánh cùng trái.

+ Nói cùng: Là nghĩa gồm tập, không phải chỉ như trước đã nói. Chánh lý nơi trí là phân biệt, hành đối trị tán loạn. Ở đây, hữu tánh, vô tánh trái nhau. Nên biết pháp đó cũng quyết định đối trị. Nghĩa là như vô sở tánh hiện có, tự tánh của vô tánh nơi trí là phân biệt, tức là đối trị. Nên biết ở đây, hoặc tánh hoặc tướng, do lực của trí nên có thể hiển bày nghĩa đúng đắn. Điều ấy lại là thể nào? Tức trong thắng nghĩa đề không có các sắc, một tánh cùng sinh. Nếu lại không có thật tức vô sở tánh định thấy. Nói định là nghĩa quyết định. Tức một tánh quyết định, do lực của minh nên nêu bày như thế. Vì sao ở đây đã nói như vậy? Tụng nêu:

Nói sắc ấy chỉ danh

Chân thật không tự tánh

Phân biệt tự tánh ấy

Nạp nhận tức nên biết.

+ Đây nói chỉ danh v.v...: Tức trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, Đức Thế Tôn đã nói sắc ấy chỉ là danh. Chỉ là danh: Đây tức chỉ là tướng. Do đó, trong thắng nghĩa đề chân thật có chỗ an lập. Nhưng tướng của sắc uẩn, là vô tự tánh không. Nghĩa là do nhân như thế, tức có phân biệt về tự tánh đối với chỗ nạp nhận ấy. Phân biệt, nghĩa là tự tánh của cảnh giới, như tánh kiên cường, vậy nên có tướng phân biệt đó tăng trưởng, mới đây khởi phân biệt về tự tánh như thế. Như vậy, phân biệt về tự tánh hiện có đã nạp nhận nhiều loại. Đây đều là dứt dừng, tức là dứt trừ hẳn. Những nêu bày như vậy đều là để dứt trừ phân biệt tán loạn về tự tánh. Trong Bản mẫu của Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, lại vì nghĩa trước nên trừ bỏ lỗi lầm.

Tụng nêu:

Sắc cùng tự tánh sắc

Không như trước đã nêu

Tự tánh kia cùng tướng

Phân biệt, đây dứt trừ.

+ Đây nói: Như trước nói v.v...: Nói nghĩa là ngôn thuyết. Tức các thứ hiện có như ở trước đã nêu bày. Vì vậy câu tụng thứ nhất nói: Sắc cùng tự tánh sắc.

Ở đây là không, nên nói như thế là để trừ bỏ sự phân biệt về cùng tướng của tự tánh kia.

+ Trên nói sắc: Tức là hai tướng tự, cộng của sắc. Tự tướng, cộng tướng cùng tự tánh của sắc ấy đều là không. Ở trong cùng tướng như đại chủng v.v... khởi tướng phân biệt tăng trưởng, thì cùng tướng của tự tánh kia sẽ đối trị sự phân biệt.

Hỏi: Ở đây, so với lần dứt trừ thứ ba ở trước về phân biệt cùng tướng, hành tướng như thế nào?

Đáp: Như trước đã nói phân biệt tán loạn về cùng tướng: Trong đó, sắc cùng tự tánh của sắc, cả hai là cùng có.

Còn ở đây là dứt trừ cùng tướng: Tức chỉ là dứt trừ tự tướng, cộng tướng ấy. Hành tướng như thế nào? Đó là ở đây, các tướng như tánh kiên cường v.v..., do sai biệt mà có. Đây tức là ở đây, cùng tướng nên được dứt trừ. Cũng không phải chỉ dứt trừ phân biệt như vậy, mà các phân biệt tán loạn khác cũng lại dứt trừ.

Lại nữa, Tụng nêu:

Chẳng sinh cùng chẳng diệt

Quán các pháp hiện có

Phật nói hoặc tan, biến

Phân biệt sai biệt kia.

+ Nói chẳng sinh: Tức Đức Thế Tôn, ở trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa như thế, đã nói: Quán nơi các pháp không sinh, không diệt. Do đây nên nêu bày như vậy. Nếu có xú an tan biến, thì đây tức phân biệt sai biệt. Hoặc thấy tướng sinh diệt sai biệt của sắc v.v..., tức đây là phân biệt về tự tánh sai biệt của sắc như thế, trong đó nên lia, nghĩa là dứt trừ phân biệt tán loạn về sai biệt. Ở đây, nói như vậy cũng lại là để dứt trừ các tán loạn sau. Thế nên Tụng nêu:

Danh ngôn đều hư giả

Pháp kia nếu phân biệt

Tiếng, nghĩa, hai không hợp

Không tự tánh ý kia.

+ Đây nói hư giả v.v...: Tức trong giáo pháp nơi Bản mẫu của Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đã biểu thị sự hòa hợp. Nghĩa là danh hư giả, tức nói về tướng phân biệt. Như trong giáo pháp nơi Bản mẫu của Bát-nhã Ba-la-mật-đa sau, đã hòa hợp riêng biệt. Như vậy, âm thanh của pháp phân biệt ấy, là câu nghĩa của pháp ngôn ngữ hiện có, và phân biệt về cùng tướng, do đó hai thứ tiếng, nghĩa không phải là tự tánh hòa hợp. Không phải là ý lạc tối thượng của Đức Thế Tôn, cũng không phải là ý lạc của kẻ khác. Nếu ở nơi phân biệt về tạo tác công xảo, lại chấp giữ nghĩa bên ngoài, tức các kẻ ngu tối đã an lập động loạn. Đối tượng hành như vậy, nhưng không phải ở đây có một ít nghĩa có thể đạt được, do nghĩa bên ngoài bị chấp trước, không phải là ngôn ngữ an lập, để mở bày môn động loạn của các kẻ ngu tối. Trong đây, dứt trừ là tướng tùy chuyển của đối tượng hành tác, tức ở nơi tiếng, nghĩa, không có chút gì để có thể thủ đắc, do phân biệt về như danh, như thế là không thật có. Hoặc ở nơi sự tướng đã nêu bày, phân biệt như danh, tức chẳng phải là ý lạc. Do nhân ấy, nên ở đây, tất cả phân biệt về như danh, như tướng đều hòa hợp không thật. Có sự tướng đã nói đó, không phải là ý lạc tối thắng của Đức Thế Tôn. Vì sao? Vì nếu phân biệt như danh nơi nghĩa, tức ở nơi danh, nghĩa, có chỗ tăng rộng, ở trong sự bên ngoài, tánh của chủ thể nêu giảng, đối tượng được nêu giảng đều không thật, như thế là dứt trừ phân biệt tán loạn về như Danh nơi nghĩa.

Hỏi: Phân biệt về những gì?

Đáp: Là phân biệt về danh. Danh ấy lại cũng không có nêu bày. Thế nên Tụng nêu:

Bát-nhã Ba-la-mật

Phật, Bồ-tát cũng vậy

Đây, đã nói chỉ danh

Lìa phân biệt nghĩa thật.

+ Nói: Bát-nhã Ba-la-mật-đa: Túc danh lìa nơi nghĩa, như thể nghĩa thật của danh, là tự tánh phân biệt. Đức Thế Tôn đã nói nên ở đây dứt trừ, là nói về điều gì? Tụng nêu: Bát-nhã Ba-la-mật, Phật, Bồ-tát cũng vậy.

Ở đây, đã chỉ gọi là Bát-nhã Ba-la-mật-đa, trong ấy, nơi nào thừa nhận nói tự tánh có thật? Nghĩa là do Đức Như Lai đã nói như thế, nên nói âm thanh của danh cũng không tự tánh. Trong ấy, các thứ hiện có đều biểu thị riêng cho danh hiệu của Phật, Bồ-tát. Nên biết, ở trong trí không hai, không phải là dứt trừ điều ấy. Đây lại từ nơi nhân nào? Tụng nêu:

Tiếng, nghĩa hiện có, dứt

Dứt trừ không sự ấy

Như vậy, khác cũng biết

Trong lời, nghĩa quyết định.

+ Nói: Tiếng nghĩa hiện có v.v...: Túc là hai thứ tiếng, nghĩa hiện có, đây nói là dứt trừ.

+ Tụng nêu: Dứt trừ không sự ấy: Túc là trí không hai không dứt trừ tác dụng của sự tướng ở đây, nhưng tánh vô ngôn đó là không thể nêu bày.

Hỏi: nay nói về nghĩa, đó là lý đúng, nhưng nơi xứ khác thì thế nào?

Tụng tự đáp, nói: Như vậy, khác cũng biết.

+ Như vậy: Túc ngay từ đầu đã nói là nghĩa quyết định như vậy.

+ Khác: Là các chủng loại còn lại, đã nêu bày thích hợp cũng thế. Nhận biết rõ túc là nhận biết rõ nghĩa quyết định ấy. Ý ở đây, nghĩa là ở trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đã tuyên thuyết đúng như thật về nghĩa không điên đảo được thành tựu. Nhận biết rõ chân thật về tất cả danh, tánh, chính là không thể thủ đắc, do lời, nghĩa đó đã thiết lập, biểu thị.

Lại nữa, Tụng nêu:

Không sở đắc ấy, đúng

Hết thầy danh, thật biết

Như nghĩa, tánh như thế

Không dứt trừ tiếng kia.

+ Nói: Không sở đắc ấy v.v...: Túc là như tánh của nghĩa, pháp không thật có kia là không thể thủ đắc. Ở đây nói là đúng. Là đã nói về những gì?

Tụng tự chỉ rõ, nói: Hết thầy danh.

Hỏi: Người nào có thể nhận biết đúng thật?

Đáp: Túc Nhất thiết trí. Thật là nghĩa không điên đảo. Biết là nhận biết rõ, túc nhận biết chân thật.

+ Tụng nói: Không dứt trừ tiếng kia. Nghĩa là nếu hai thứ tiếng, nghĩa, nơi tánh của nghĩa thật ấy nói không thể thủ đắc. Do nhân đó nên không dứt trừ âm thanh kia. Nghĩa là do âm thanh của đối tượng được giữ lấy thuộc văn trí đó là không thể dứt trừ. Như vậy, nên biết, ý lạc tối thắng quyết định là từ bi, nên đối tượng hành đều không chướng ngại. Như thế là dứt trừ phân biệt tán loạn về như nghĩa nơi danh. Các nghĩa như vậy là ý lạc chân thật đã được nêu bày thuận hợp. Có luận Tụng nói:

Hiện có tất cả danh hiện có

Các thứ pháp kia có chỗ nói

Nhưng chỗ nói ấy không thật có

Túc tất cả pháp đồng pháp tánh.

Danh kia hiện có, gọi tánh không

Danh của năng danh, không chỗ có

Mà tất cả pháp vốn không danh

Lập, do danh mạnh mà biểu thị.

Tất cả chỉ danh, đây nên biết

Trong hết thầy tướng, giả an lập

Danh kia được tự, tánh sai biệt

Nên biết danh ấy không thật có.

Như Tôn giả Tu-bồ-đề đã hỏi về Bát-nhã Ba-la-mật-đa, trong đó đã quyết định dứt trừ hai thứ tiếng, nghĩa. Nên Tạng giải thích, nói:

Tu-bồ-đề, hai là
Nghĩa Thanh-văn như vậy
Bồ-tát không có danh
Ngã kiến, đây có nói.

+ Nói: Tu-bồ-đề v.v...: Nghĩa là Tôn giả Tu-bồ-đề đã nhận biết rõ về hai thứ tiếng, nghĩa, là để an lập. Ý ở đây là, tiếng tức là tiếng của người thuyết giảng. Nghĩa của tiếng là nghĩa đã được thuyết giảng. Thế nào là Bồ-tát không có danh? Là do danh của Bồ-tát không thật có, không thể thấy. Tôn giả Tu-bồ-đề, ở trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đã có nêu giảng. Ý ở đây là quyết định hai thứ tánh phân biệt trong ý lạc tối thắng, xa lìa tánh dị biệt của âm thanh hư giả. Ngôn ngữ quyết định ở đây là nghĩa đã có được biểu thị. Thế nên Tạng nêu:

Bát-nhã Ba-la-mật
Nói không quyết định sinh
Tìm xét chỉ bậc trí
Nghĩa này, tuệ vi diệu.

+ Đây nói: Bát-nhã Ba-la-mật: Không nghĩa là không thật có. Tức trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa, lời nói hòa hợp kia quyết định là không thật có, không có chỗ nêu bày, không có hý luận, nên biết như thế. Trong tất cả ngôn ngữ được nói quyết định là nghĩa đã có. Thế nào là nghĩa đã có? Tức như nghĩa đã nói ở trước. Giải thích môn kia, Tạng nói: Tìm xét chỉ bậc trí.

Nghĩa này là tuệ vi diệu. Tìm xét: Là xem xét kỹ lưỡng. Nghĩa này: Tức các thanh có trong ba mươi hai phẩm, nói chung về quyết định. Bậc trí: Tức là bậc có trí tuệ, có thể nhận biết về lời, nghĩa. Tuệ vi diệu: Là trí thanh tịnh vi diệu, rất ráo.

Hành tướng như thế nào? Tức trí ấy, ở trong tất cả cảnh giới, không vướng mắc, không hủy hoại. Nhưng Bát-nhã Ba-la-mật-đa ở trong âm vang có chỗ nghe được, là biểu thị về nghĩa đó. Vì vậy, Tạng nêu:

Nếu phân biệt nghĩa riêng
Nghĩa tương tục trừ bỏ
Bát-nhã Ba-la-mật
Ngôn thuyết như tiếng vang.

+ Đây nói nghĩa tương tục: Là nghĩa hoặc đi đến, hoặc hiện bày, tạo tác tương tục. Dứt trừ: Là nghĩa trừ bỏ. Tức là nơi nghĩa như thế đã trừ bỏ chấp trước. Vì sao? Vì do Bát-nhã Ba-la-mật-đa, hoặc thấy hoặc nghe, có chỗ nêu bày đều như tiếng vang, lại như ánh sáng của vàng ròng đối hiện sắc tướng. Do nghĩa ấy, nên hoặc đi đến, hoặc hiện bày đều tạo tác nối tiếp, có chỗ phân biệt, có chỗ chấp trước, đều nên trừ bỏ. Do trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa ấy, hết thảy mọi giảng nói đều như tiếng vang là nghĩa chung, lược.

Lại nữa, vì muốn hiển bày rõ về nghĩa ấy, như có Tạng nói:
Các giáo hiện có, chớ chán bỏ
Cũng lại không nên sinh hủy báng
Thấy như thật rồi, trụ chân thật
Do chân thật ấy mà biểu hiện.

Nay, trong nghĩa này, chung lược tạo thành biểu thị. Tạng nêu:
Chung, lược nghĩa như thế
Bát-nhã cùng nương dựa
Như vậy, nghĩa tuần hoàn
Lại nghĩa riêng nương dựa.

+ Nói: Chung, lược nghĩa như thế v.v...: Túc Thập Vạn Tụng Bát Nhã Ba La Mật Đa hiện có, đã gồm, lược tất cả nghĩa như thế, đều nương dựa nơi Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, nối tiếp nơi ba mươi hai phẩm, chung, lược gồm thâu, nên biết như thế, sau không có tăng rộng. Tụng nói: Như vậy, nghĩa tuần hoàn: Túc đối với nghĩa như vậy, hoàn toàn lặp lại, thứ lớp, xét kỹ.

Hỏi: Xét kỹ về những nghĩa gì? Tụng tự đáp, nói: Lại nghĩa riêng nương dựa.

Ở đây, đã nói về câu "nghĩa riêng", tức vẫn nạn về nghĩa riêng. Hỏi là phân biệt về chỗ sai biệt, còn vẫn nạn là có chỗ y cứ. Nghĩa là các pháp phần Bồ-đề, uẩn công đức của Phật, ở trong pháp ấy, lần lượt nhắc lại, xét kỹ, như thế. Hoặc gồm chung, tóm lược về nghĩa riêng được tạo thành đã nêu bày như vậy, đều có chỗ dựa. Túc ba mươi hai phẩm đều có tự tánh riêng, lần lượt gồm thâu. Nay, ở đây, Bát Thiên Tụng Bát Nhã Ba La Mật Đa, tất cả văn nghĩa đã được giải thích khắp hết, nhóm phước đã sinh là rộng lớn, rất ráo, đều dùng để hồi hướng. Tụng nêu:

Bát-nhã Ba-la-mật

Chánh gồm tám ngàn tụng

Nhóm phước đã đạt được

Đều từ Bát-nhã sinh.

+ Nói: Bát-nhã Ba-la-mật, Chánh gồm tám ngàn tụng: Nghĩa là trong Bát Thiên Tụng Bát Nhã Ba La Mật Đa này, đã nói về tự tánh. Bát Thiên (tám ngàn): Là số lượng ấy gồm thâu khắp. Trong số lượng như thế, nghĩa tích tụ chung đã được giải thích. Tụng nói Chánh: Là nghĩa không điên đảo. Túc trong chánh giáo ấy đã sinh khởi những gì? Tụng tự đáp, nói: Nhóm phước đã đạt được.

+ Được: Là nghĩa thu đạt được. Nhóm phước thanh tịnh được tạo thành như vậy, đều từ Bát-nhã Ba-la-mật-đa xuất sinh. Do xuất sinh từ Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nên số lượng phước có được là rộng lớn sâu xa. Đem số lượng phước sâu rộng đã có được ấy, dùng hồi hướng về khắp hết thủy thế gian, đều khiến đạt được trí thanh tịnh thắng diệu rất ráo của Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Ở trong các câu đúng đắn của đệ nhất nghĩa thù thắng, không h vọng ấy, xét tìm đúng như lý, tôi ở đây đã tạo văn giải thích, nhóm phước đã sinh, nay ý nói, khiến khắp tất cả thế gian đều được thanh tịnh. Tụng viết:

Các Bí-sô Thích-ca Su Tử

Hiện có phước cao, hơn nhu thế

Đây đã nói, ý lợi thế gian

Do phước thắng nên trụ chân thật.

HẾT - QUYỂN 4

Hết phần nội dung Bản dịch Việt ngữ số 1 của LUẬN THÍCH PHẬT MÃU BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA VIÊN TẬP YẾU NGHĨA.

-----oooo000oooo-----